



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



THÔNG điệp CỦA TÔNG GIÁM ĐỐC

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 8. Thông tin khái quát
- 10. Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
- 12. Quá trình hình thành và phát triển
- 16. Ngành nghề kinh doanh, sản phẩm
- 18. Thị trường tiêu thụ
- 20. Mô hình quản trị
- 23. Giới thiệu ban điều hành
- 28. Chiến lược phát triển

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 32. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 47. Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 50. Kế hoạch kinh doanh năm 2020

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 56. Tổng quan về quản trị Công ty
- 58. Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 64. Hoạt động của Ban kiểm soát
- 66. Thu lao của HĐQT và Ban kiểm soát
- 68. Quản trị rủi ro

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 74. Phát triển các giá trị bền vững quốc gia
- 76. Tuyên bố Hà Nội
- 78. Hành động phát triển bền vững
- 82. Hành động cụ thể và thành quả đạt được từ trách nhiệm bảo vệ môi trường
- 86. Trách nhiệm xã hội và cộng đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 92. Thông tin chung
- 93. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 94. Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 96. Bảng cân đối kế toán
- 98. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 99. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 100. Thuyết minh Báo cáo tài chính

Thông điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi:

**Quý cổ đông
Khách hàng, đối tác và các cán bộ công nhân viên của
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai**

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến toàn bộ cổ đông, khách hàng, đối tác và các cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai. - những người đã dành nhiều tình cảm và tâm huyết với Công ty trong suốt thời gian vừa qua.

Năm 2019 đã qua, trong bức tranh chung của thị trường vật liệu xây dựng, xi măng vẫn là điểm sáng với mức tăng trưởng toàn ngành vượt 2% so với năm 2018. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khi giá nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất không ngừng tăng cũng như sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường với quá nhiều thương hiệu khác nhau..., thế nhưng tiêu thụ xi măng cả trong nước và xuất khẩu đều tăng. Tổng sản lượng xi măng, clinker tiêu thụ năm 2019 khoảng 98 triệu tấn, trong đó, xi măng tiêu thụ nội địa khoảng 67 triệu tấn, tăng 1%; sản phẩm xi măng và clinker xuất khẩu khoảng 32 triệu tấn với giá trị xuất khẩu ước đạt 1,27 tỷ USD.

Trong thực tế tăng trưởng nhẹ của toàn ngành, cùng với sự nỗ lực của tập thể Ban Giám đốc và các cán bộ công nhân viên của Công ty, sự phối hợp chỉ đạo đồng hành của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Vicem Hoàng Mai đã vượt qua khó khăn, tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2019 với doanh số và lợi nhuận đáng khích lệ.

Trong những ngày đầu năm 2020 này, đất nước chúng ta lại đang đối mặt với những tác động của dịch virus Corona dẫn đến những thay đổi khó lường về kinh tế, chính trị - xã hội trong và ngoài nước, chắc chắn sẽ có những tác động to lớn đến nhiều ngành nghề, môi trường kinh doanh sẽ xuất hiện nhiều khó khăn, thách thức mới.

Cùng những thuận lợi và thách thức mới, với kỳ vọng đưa VICEM Hoàng Mai trở thành thương hiệu tiêu biểu toàn ngành trong tương lai không xa, Ban lãnh đạo Công ty xin hứa luôn nỗ lực hết mình để đưa Công ty ngày càng phát triển.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị đã đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, đồng hành, tâm huyết của các quý vị để cùng chung tay xây dựng công ty hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.



**Nguyễn Quốc Việt
Tổng giám đốc**

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2020



GIỚI THIỆU CÔNG TY ►

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT
2. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI
3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, SẢN PHẨM
5. THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ
6. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ
7. GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH
8. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được thành lập ngày 07/10/1995, nằm trong hệ thống 10 công ty thành viên sản xuất xi măng phân bố trên khắp cả nước do Tổng công ty Xi măng Việt Nam (VICEM) nắm giữ cổ phần và chỉ đạo chiến lược hoạt động. Cùng với Vicem Hoàng Thạch, Vicem Bim Sơn, Vicem Hà Tiên,... Vicem Hoàng Mai đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất và cung ứng xi măng và clinker mang nhãn hiệu VICEM. Trụ sở chính và nhà máy đặt tại Thị xã Hoàng Mai thuộc vùng kinh tế Nam Thanh Bắc Nghệ, với vị trí thuận lợi về giao thông đường sắt, thủy, bộ, có nguồn nguyên liệu dồi dào, chất lượng cao. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện chủ trương đổi mới theo chỉ đạo từ VICEM, công ty đã cổ phần hóa thành công, chính thức đổi mới mô hình quản lý doanh nghiệp với vốn điều lệ 720 tỷ đồng vào ngày 01/04/2008, trong đó Nhà nước nắm giữ 70,96% vốn, tạo đà thuận lợi cho bước phát triển mới của Vicem Hoàng Mai trong cơ chế mở cửa của nền kinh tế đất nước.

Bắt đầu những bước đi đầu tiên dựa trên định hướng của Tổng công ty Xi măng Việt Nam, cho đến nay, Vicem Hoàng Mai ngày càng khẳng định được vị thế vững

chắc trong hệ thống các công ty thành viên và góp phần không nhỏ trong việc đưa biểu tượng "con chim Lạc" đến với người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Công ty vẫn luôn bền bỉ hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và hoạt động vì sự phát triển bền vững sau chặng đường 25 năm tạo dựng nền móng, không ngừng phát huy thế mạnh và khắc phục hạn chế để ngày càng hoàn thiện. Đưa slogan truyền thống "Thách thức thời gian" xuất hiện trên bao bì mỗi sản phẩm đến với người tiêu dùng, ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên Vicem Hoàng Mai nhận thức rõ việc doanh nghiệp muốn phát triển dài hạn thì phải chú trọng hơn hết các vấn đề mang tính bền vững có liên quan mật thiết với xã hội và môi trường sống. Vì vậy công ty luôn đề cao việc gắn chặt các mục tiêu, định hướng dài hạn của mình với cộng đồng địa phương nói riêng và toàn xã hội nói chung thông qua các hoạt động, dự án bảo vệ môi trường và tích cực cống hiến vì sự nghiệp an sinh đất nước. Đáp ứng sự tin tưởng ngày càng cao của người tiêu dùng với thương hiệu Việt, Vicem Hoàng Mai vững tin vào một tương lai lớn mạnh hơn trong toàn ngành xi măng và đóng góp nhiều hơn nữa trong cả ba lĩnh vực kinh tế - môi trường - xã hội của đất nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238) 3866 170 Fax: (0238) 3866 648

Email: sales@ximanghoangmai.vn

Website: <http://ximanghoangmai.vn>

Tên tiếng Anh: Vicem Hoangmai Cement Joint Stock Company

Vốn điều lệ: 720.000.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu: 72.000.000 cổ phiếu

Mã cổ phiếu: HOM

SỨ MỆNH

Không ngừng đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu nhằm phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo cung ứng xi măng và clinker ra thị trường trên cơ sở tối ưu hóa hiệu quả hoạt động nhưng giảm thiểu tác động đến môi trường.

Đầu tư cho tương lai theo định hướng tiên phong của VICEM nhằm đóng vai trò dẫn dắt trong chuyển đổi công nghệ ngành xi măng bằng Những giải pháp thúc đẩy sản xuất bền vững, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và hòa nhập cùng thị trường thế giới.

TÂM NHÌN

Phát huy thế mạnh về tiềm năng nguồn nguyên liệu và điều kiện hạ tầng để phát triển sản xuất, kinh doanh xi măng nhằm chiếm lĩnh thị phần cốt lõi, thị trường mục tiêu, thúc đẩy thị trường tiềm năng và xuất khẩu.

Đảm bảo hài hòa các lợi ích: lợi ích cho nhà nước, lợi ích cho các nhà đầu tư và lợi ích cho người lao động; cùng Tổng công ty Xi măng Việt Nam phấn đấu đưa công nghiệp xi măng trở thành một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn, góp phần gây dựng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tận dụng lợi thế địa lý với nguồn nguyên liệu đá vôi, đất sét dồi dào, trữ lượng lớn, chất lượng và tính ổn định cao để nâng cao quy hoạch, khai thác lâu dài, khẳng định uy tín dựa trên chất lượng sản phẩm

Đồng bộ hóa, đổi mới và nâng cấp thiết bị, áp dụng công nghệ hiện đại nhằm cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm, tạo ra thêm các giá trị kinh tế vượt trội

Áp dụng và cải tiến thường xuyên hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng nhằm tối thiểu hóa tỷ lệ lỗi, tối ưu hóa năng lực sản xuất, đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước và phục vụ hoạt động xuất khẩu

Lấy con người làm yếu tố then chốt, không ngừng bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và đầu tư cho công tác quản lý để đảm bảo duy trì sản xuất an toàn, ổn định, đạt được hiệu quả cao

CORE VALUES

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

07/10/1995

Thành lập Công ty Xi măng Nghệ An - tiền thân của Công ty Xi măng Hoàng Mai được thành lập theo Quyết định số 2629/QĐ.UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, mục đích để làm chủ đầu tư dự án xi măng Hoàng Mai

09/06/1999

Công ty tiến hành khởi công đồng loạt các hạng mục công trình chính thuộc dây chuyền sản xuất của dự án xi măng Hoàng Mai

18/10/2000

Công ty Xi măng Hoàng Mai trở thành thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An sau buổi ký kết biên bản bàn giao giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Tổng Công ty Xi măng Việt Nam

06/03/2002

Nhà máy đã cho ra lò những tấn clinker đầu tiên đạt chất lượng tốt sau 32 tháng khởi công xây dựng. Hoàng Mai là một trong số ít các nhà máy xi măng tại Việt Nam cho ra lò những tấn clinker tốt nhất ngay ở giai đoạn đầu của quá trình sản xuất, không có phế liệu trong quá trình hiệu chỉnh - nghiệm thu chạy thử

01/07/2002

Công ty bước sang giai đoạn sản xuất kinh doanh chính thức trong hệ thống các công ty thành viên thuộc VICEM sau quá trình sản xuất thử. Nhà máy Xi măng Hoàng Mai được vận hành với dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại, lò nung đạt công suất 4.000 tấn clinker/ngày, đốt 100% bằng than anthraxit tiết kiệm nhiên liệu, hiệu quả kinh tế cao

2004

Công ty được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và chứng chỉ quản lý môi trường ISO 14001:1999. Vicem Hoàng Mai cũng là nhà máy đầu tiên thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam thỏa mãn hai tiêu chuẩn nói trên tại cùng một thời điểm chỉ sau một khoảng thời gian ngắn tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh

09/03/2007

Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 367/QĐ-BXD về chủ trương cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam. Căn cứ chủ trương cổ phần hóa đồng loạt, Xi măng Hoàng Mai đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 30/11/2007

27/02/2008

Hội đồng thành viên Tổng công ty Xi măng Việt Nam ban hành Quyết định số 219/QĐ-XMVN về việc điều chỉnh phương án cổ phần hoá và đổi tên Công ty Xi măng Hoàng Mai thành Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai, nay là Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai. Ngày 01/04/2008, Vicem Hoàng Mai đã chính thức đi vào hoạt động với quy mô vốn điều lệ 720 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 510,918 tỷ đồng

09/07/2009

Cổ phiếu HOM của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được phép tiến hành phiên giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU TỪ NĂM 2012 ĐẾN NAY

2012

Vicem Hoàng Mai được chứng nhận top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Vicem Hoàng Mai được chứng nhận là nhãn hiệu cạnh tranh tại Việt Nam.



2014

Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An trao tặng bằng khen cho Vicem Hoàng Mai với thành tích tuần thủ tốt nghĩa vụ Thuế.

2015

Chủ tịch nước trao tặng huân chương lao động hạng nhì cho những cống hiến của Vicem Hoàng Mai giai đoạn 2010-2014.

Vicem Hoàng Mai vinh dự nhận Giải bạc chất lượng quốc gia.

Giấy khen của UBND thị xã Hoàng Mai theo 41/QĐ-UBND ngày 22/12/2015.



2016

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ theo QĐ 420/QĐ-TTg ngày 17/3/2016.

Bằng khen của Công đoàn ngành xây dựng theo QĐ 284/QĐ-CĐXD ngày 10/5/2016.

Bằng khen của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam theo QĐ 879/QĐ-TLĐ ngày 27/4/2016.

Cờ thi đua của Bộ Xây dựng; Cờ thi đua Công đoàn ngành xây dựng; Cờ thi đua Công đoàn Tổng công ty Xi măng Việt Nam.

2017 - 2019



2017

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An theo QĐ 1825/QĐ-UBND ngày 05/05/2017.

Vicem Hoàng Mai được chứng nhận đơn vị điển hình tiên tiến trong công tác phòng cháy chữa cháy.

2018

Bằng khen của Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An.

2019

Bằng khen của Tổng công ty Xi măng Việt Nam.





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ SẢN PHẨM

Sản xuất kinh doanh chính của Công ty là clinker và xi măng, doanh thu của dòng sản phẩm chủ đạo này chiếm 99% tổng doanh thu của Vicem Hoàng Mai trong năm 2019. Sản phẩm xi măng poóc lăng hỗn hợp PCB40 được tin dùng trong nhiều năm qua bởi chất lượng và tính linh hoạt trong việc áp dụng cho cả các công trình nhà ở lẫn xây dựng công nghiệp. Sản phẩm đầu ra của công ty đều được thông qua khâu kiểm soát chất lượng chặt chẽ với bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2015, đảm bảo thân thiện với môi trường theo đúng yêu cầu của bộ tiêu chuẩn ISO 14001:2015, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 45001:2018 và được phổ biến trên phạm vi toàn công ty.

Sản xuất, kinh doanh
Xi măng, Clinker



Khai thác đá vôi, đá
sét để sản xuất và
kinh doanh



Năng lực sản xuất

Nhà máy xi măng Vicem Hoàng Mai có công suất 1,26 triệu tấn Clinker trên một năm tương đương với 1,4 triệu tấn xi măng trên 1 năm, sản xuất xi măng theo phương pháp khô, lò quay do hãng FCB (Cộng hòa Pháp) chuyển giao công nghệ và phương pháp đồng bộ.

Sản phẩm nổi bật



XI MĂNG PCB30



XI MĂNG PCB40



XI MĂNG C150-TYPE1

THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ



- Thanh Hóa
- Nghệ An
- Các tỉnh miền Trung



- Lào
- Philipines,...

Thị trường tiêu thụ của xi măng Vicem Hoàng Mai trải dài khắp 3 miền, trong đó tại thị trường có hiệu quả (khu vực Bắc Trung Bộ) chiếm thị phần lớn, đặc biệt là tại thị trường Nghệ An sản phẩm xi măng Vicem Hoàng Mai chiếm thị phần trên 40%. Trong các năm qua, xi măng Vicem Hoàng Mai đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường xi măng cả nước và xuất khẩu sang các nước Lào, Philipines và nhiều nước trong khu vực...

Với ưu thế về mặt địa lý tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lưu thông sản phẩm đầu ra tới các nhà phân phối, đại lý tiêu thụ thông qua cả đường sắt, đường bộ và đường thủy, trong khi đường sắt và đường bộ thuận tiện cho việc tiêu thụ xi măng trong nước thì đường thủy là thế mạnh để xi măng Hoàng Mai đến được thị trường nước ngoài và vận chuyển vào các tỉnh miền Trung một cách thuận tiện nhất. Trên tinh thần khắc phục khó khăn và tận dụng những điểm lợi sẵn có, Vicem Hoàng Mai đã và đang trở thành một điểm sáng trên vùng kinh tế Nam Thanh Bắc Nghệ, góp phần đẩy mạnh kinh tế ngành, cống hiến hết mình cho cộng đồng địa phương và không ngừng tạo ra các giá trị thiết thực trong đời sống người dân thông qua các sản phẩm tâm huyết.

Các sản phẩm của Vicem Hoàng Mai đã và đang được cung cấp cho các công trình trọng điểm quốc gia như: Trung tâm hội nghị Quốc gia, Thủy điện Bản Vẽ, Hòa Na, Trung Sơn, Bá Thước, Thủy lợi Ngàn Trươi,... Các công trình cầu: Cầu Vĩnh Tuy, Bến Thủy 2,... Các dự án lớn: Tổ hợp gang thép Formosa, Khu kinh tế Nghi Sơn, Khu kinh tế Vũng Áng...

Để tăng thêm giá trị cho khách hàng và cộng đồng,
Vicem Hoàng Mai trân trọng thông báo thay đổi vỏ bao.
Vỏ bao mới sạch đẹp, thân thiện với môi trường



VICEM HOÀNG MAI PCB40
VỎ BAO MỚI
THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG

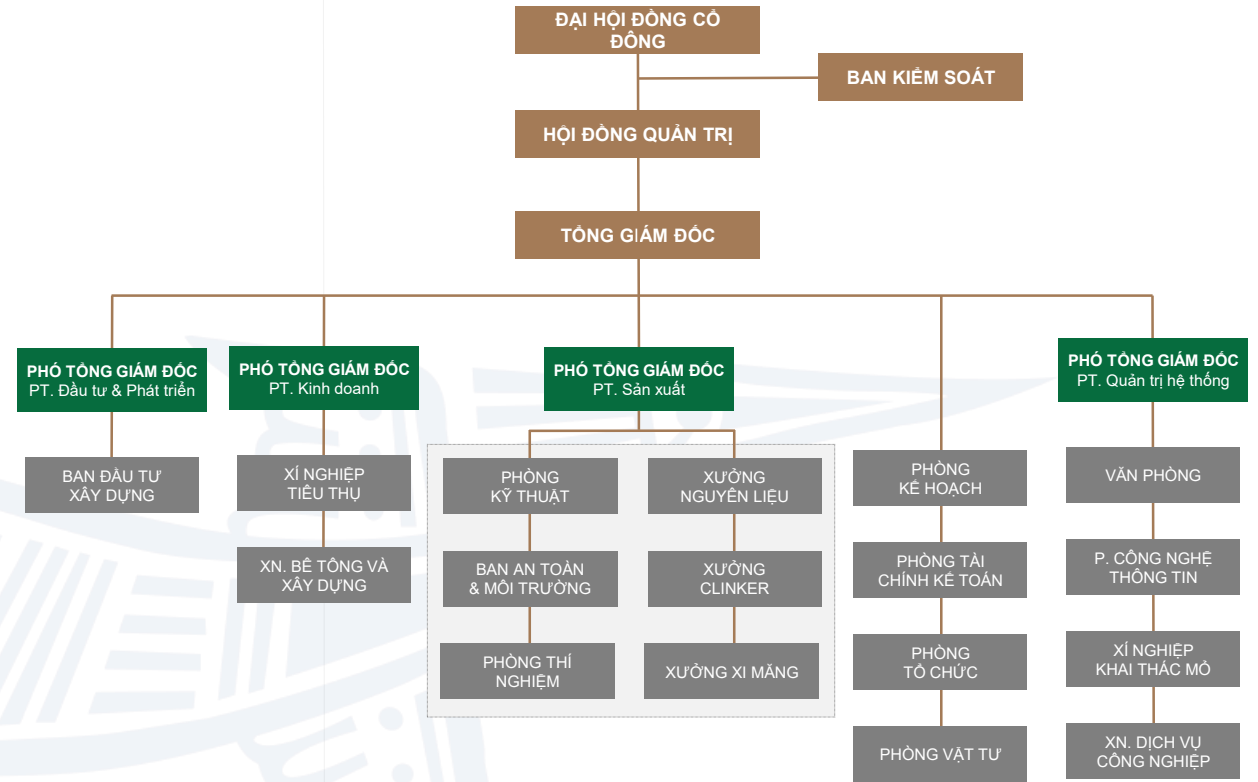


CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
Địa chỉ: Khối 7, Phường Quỳnh Thiên, Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An
Điện thoại: 038.3866.170/038.3866.752 | Fax: 038.3866.648
Email: contact@ximanghoangmai.vn sales@ximanghoangmai.vn



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Vicem Hoàng Mai là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 70,96% vốn cổ phần, phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng ngàn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Mô hình kinh doanh của Vicem Hoàng Mai tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở, bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của công ty, trên nguyên tắc tập trung dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cả nhân Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc khi thực thi nhiệm vụ được giao. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của thị trường, công ty đã thành lập hệ thống các phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc, được phân chia theo chức năng riêng biệt nhưng vẫn đảm bảo có mối quan hệ hỗ trợ khăng khít trong việc thực hiện các công việc để quá trình sản xuất kinh doanh được thông suốt.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề liên quan, đến quyền hạn theo quy định của pháp luật, và Điều lệ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đương nhiệm của công ty có Chủ tịch và các ủy viên. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tình hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

BAN ĐIỀU HÀNH

Đứng đầu bộ máy điều hành là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như quản trị hệ thống, đầu tư và phát triển, sản xuất, kinh doanh.

BAN ĐIỀU HÀNH

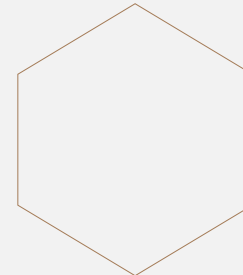
Công ty đã thành lập 17 phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do Ban Tổng Giám đốc giao.

GỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018-2023

Hội đồng quản trị của Vicem Hoàng Mai gồm 5 thành viên. Tất cả thành viên HĐQT đều là những người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất xi măng và am hiểu môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

STT	Thành viên	Chức vụ
1.	ÔNG ĐÌNH QUANG DŨNG	Chủ tịch HĐQT
2.	ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT	Thành viên
3.	ÔNG TRẦN VIỆT HỒNG	Thành viên
4.	ÔNG LÊ TRUNG KIÊN	Thành viên
5.	ÔNG TRẦN ĐỨC DANH	Thành viên



1 **ÔNG ĐÌNH QUANG DŨNG** Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1964

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Kỹ sư Silicat

Quá trình công tác:

- 04/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Xi măng Việt Nam
- 02/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Số cổ phần HOM nắm giữ: 20.437.800 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện vốn của Vicem: 20.437.800 cổ phần

2

ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1972

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 04/2008 - 12/2010: Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
- 01/2011 - 10/2017: Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
- 10/2017 - Nay: Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Số cổ phần HOM nắm giữ: 10.223.200 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.200 cổ phần
- Đại diện vốn của Vicem: 10.218.000 cổ phần

3

ÔNG TRẦN VIỆT HỒNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Kỹ sư công nghệ chế tạo máy

Quá trình công tác:

- 02/2013 - 02/2018: Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 02/2018 đến 12/2019: Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 12/2019 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Số cổ phần HOM nắm giữ: 10.218.000 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện vốn của Vicem: 10.218.000 cổ phần

4

ÔNG LÊ TRUNG KIẾN

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 03/2014 - 02/2018: Quản đốc Xưởng khai thác - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
- 02/2018 - 07/2019: Quản đốc Xưởng khai thác, Thành viên HĐQT - Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai
- 07/2019 đến nay: Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Số cổ phần HOM nắm giữ: 10.218.000 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện vốn của Vicem: 10.218.000 cổ phần

5

ÔNG TRẦN ĐỨC DANH

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Quá trình công tác:

- 1996 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Trường An
- 11/2014 đến nay: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Số cổ phần HOM nắm giữ: 0 cổ phần

THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO

STT	Thành viên	Chức vụ
1.	ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT	Tổng Giám đốc
2.	ÔNG TRẦN VIỆT HỒNG	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm 01/12/2019)
3.	ÔNG ĐẶNG NGỌC LONG	Phó Tổng giám đốc
4.	ÔNG LÊ TRUNG KIÊN	Phó Tổng giám đốc (Bỏ nhiệm 26/07/2019)
5.	BÀ ĐẬU THỊ NGA	Kế toán trưởng
6.	ÔNG LÊ QUÝ THẠCH	Phó Tổng giám đốc (Bỏ nhiệm 25/07/2019) (Miễn nhiệm 01/12/2019)

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

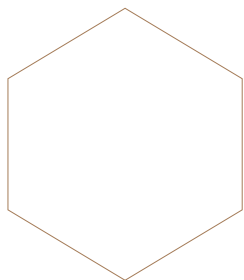
STT	Thành viên	Chức vụ
1.	ÔNG NGUYỄN VĂN TUẤN	Trưởng Ban kiểm soát
2.	ÔNG CAO TRỌNG NGHIÊN	Thành viên
3.	ÔNG THÁI HUY CHƯƠNG	Thành viên

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

BAN LÃNH ĐẠO

ÔNG NGUYỄN QUỐC VIỆT - Tổng Giám đốc (Như trên)

ÔNG LÊ TRUNG KIÊN - Phó Tổng Giám đốc (Như trên)



1 **ÔNG ĐẶNG NGỌC LONG** Phó Tổng Giám đốc

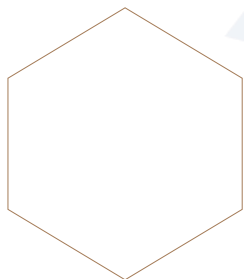
Sinh năm: 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 2010 - 09/2016: Giám đốc Ban Quản lý dự án Đông Hồ thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.
- 09/2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai



2 **BÀ ĐẬU THỊ NGA** Kế toán trưởng

Sinh năm: 1980

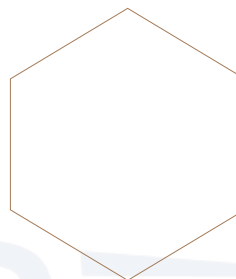
Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 2003 - 12/2014: Công tác tại phòng kế toán - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 01/2015 - 10/2016: Trưởng phòng tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 10/2016 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

BAN KIỂM SOÁT



1 **ÔNG NGUYỄN VĂN TUẤN** Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm: 1987

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2009 - 04/2018: Công tác tại Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 04/2018 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai



2 **ÔNG CAO TRỌNG NGHIÊN** Thành viên Ban kiểm soát

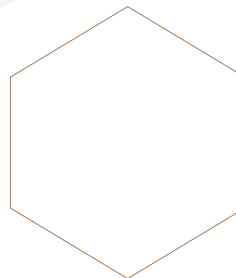
Sinh năm: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2008 - 04/2018: Công tác tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 04/2018 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai



3 **ÔNG THÁI HUY CHƯƠNG** Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2014 - 04/2018: Công tác tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- 04/2018 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai



Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đã đạt được những thành quả nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Với quyết tâm không ngừng đổi mới, sáng tạo, trong những năm qua Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm. Công ty triển khai các định hướng và mục tiêu phát triển hướng đến đầu tư cho tương lai để mở rộng quy mô và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về ngành công nghiệp xi măng, cụ thể như sau:

Đầu tư Dự án xi măng Hoàng Mai 2 (giai đoạn 1) công suất 6.000 tấn clinker/ngày nhằm nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh và tăng hiệu quả cho Công ty.

Đồng hành cùng khách hàng, nắm bắt các mong muốn, bản khoản của khách hàng để cung cấp cho khách hàng các sản phẩm có chất lượng ổn định và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn các yêu cầu của người tiêu dùng.

Giảm nồng độ bụi trong sản xuất xi măng thông qua việc trang bị đồng bộ hệ thống thiết bị lọc bụi túi thể mới thay thế lọc bụi tĩnh điện để đảm bảo giảm nồng độ bụi trong khí thải.

Tận dụng và tái chế chất thải: ứng dụng công nghệ tái chế chất thải công nghiệp để làm nhiên liệu, làm phụ gia cho xi măng để giảm giá thành.

Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giảm thời gian dừng lò để sửa chữa nhằm đạt và vượt công suất thiết kế; nâng cao chất lượng và mác xi măng, tối ưu tỷ lệ pha phụ gia, tro xỉ nhiệt điện, xỉ hạt lò cao... để giảm tỷ lệ clinker, giảm lượng khí thải CO, NOx, SO2, hydrocarbon

Sản xuất các chủng loại xi măng mác cao, xi măng bền sunphat sử dụng cho những công trình chịu tác động của nước biển, vùng đất nhiễm mặn,... giúp tăng cường khả năng chống ăn mòn của các ion sulfat, clo cho bê tông... Tăng tỷ trọng các sản phẩm sau sản xuất xi măng như bê tông, gạch không nung để nâng cao được sức cạnh tranh

Tối ưu hóa năng lực sản xuất của dây chuyền công nghệ, áp dụng các công cụ tiên tiến trong quản lý sản xuất. Vận hành hiệu quả, ổn định để nâng cao sản lượng sản xuất, đảm bảo nguồn cung hàng, nhất là những tháng xây dựng cao điểm, kiểm soát sự tuân thủ quy trình công nghệ, sản xuất, để sản xuất ra sản phẩm xi măng ổn định chất lượng; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng



Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, đội ngũ kỹ sư, tư vấn, thiết kế, nghiên cứu ứng dụng, hoàn thiện công tác quản trị và nhân sự nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty để Công ty phát triển bền vững, bắt kịp trình độ khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến của thế giới, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất xi măng trong và ngoài nước thông qua việc triển khai các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ kế toán, thuế và kỹ năng bán hàng cho nhân viên thị trường của Công ty và các Nhà phân phối, bổ sung kiến thức xi măng, bê tông, kiến thức marketing cho các nhân viên thị trường. Từ đó, mở rộng độ phủ của sản phẩm xi măng Hoàng Mai trên thị trường



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ►

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
3. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. NỀN KINH TẾ

Thuận lợi

Năm 2019 là một năm Việt Nam đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đạt tương đối đồng bộ các mục tiêu tổng quát đã được Quốc hội đề ra; là năm thứ hai liên tiếp đạt và vượt toàn bộ 12/12 chỉ tiêu Quốc hội giao. Kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện. Chính sách tiền tệ được điều chỉnh hiệu quả, giữ ổn định thị trường ngoại tệ, tỷ giá, dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng mạnh.

Tiêu thụ xi măng cả trong nước và xuất khẩu đều tăng. Tổng sản lượng xi măng, clinker tiêu thụ năm 2019 khoảng 98 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2018; trong đó xi măng tiêu thụ nội địa khoảng 67 triệu tấn, tăng 1%; sản phẩm xi măng và clinker xuất khẩu khoảng 32 triệu tấn với giá trị xuất khẩu ước đạt 1,27 tỷ USD.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam trong công tác sản xuất, kinh doanh và sự quan tâm, ủng hộ của các cấp chính quyền.

Khó khăn

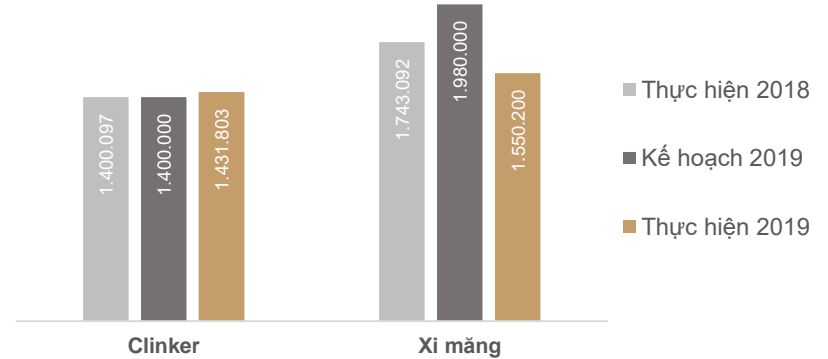
Năm 2019, thị trường xi măng tiếp tục “cung” vượt “cầu” nên có sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nhà sản xuất, kinh doanh xi măng. Nguồn cung tại miền Trung gia tăng khi dây chuyền 3 xi măng Thành Thắng và xi măng Nam Đông (Thừa Thiên Huế) ra mắt sản phẩm mới trên thị trường. Các nhà máy có công suất lớn như: Thành Thắng, Xuân Thành, Long Sơn, Hạ Long, SCG đã và đang đầu tư kho vận, trạm phân phối để mở rộng thị trường Miền Trung - Tây Nguyên.

Chi phí đầu vào sản xuất có xu hướng tăng, đặc biệt là chi phí năng lượng, cụ thể giá điện tăng thêm 8,36% kể từ ngày 20/3/2019 theo Quyết định số 648/QĐ-BCT tương ứng giá điện bình quân trong năm 2019 tăng 97 đồng/kwh đã ảnh hưởng nhiều đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bộ Công thương và Thương mại Philippines (DTI) áp dụng biện pháp tự vệ trong 3 năm tới với xi măng nhập khẩu từ Việt Nam. Biện pháp này đã có hiệu lực từ ngày 18/9/2019. Điều này làm giảm sản lượng và giảm hiệu quả khi xuất khẩu xi măng sang Philippines.



II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT



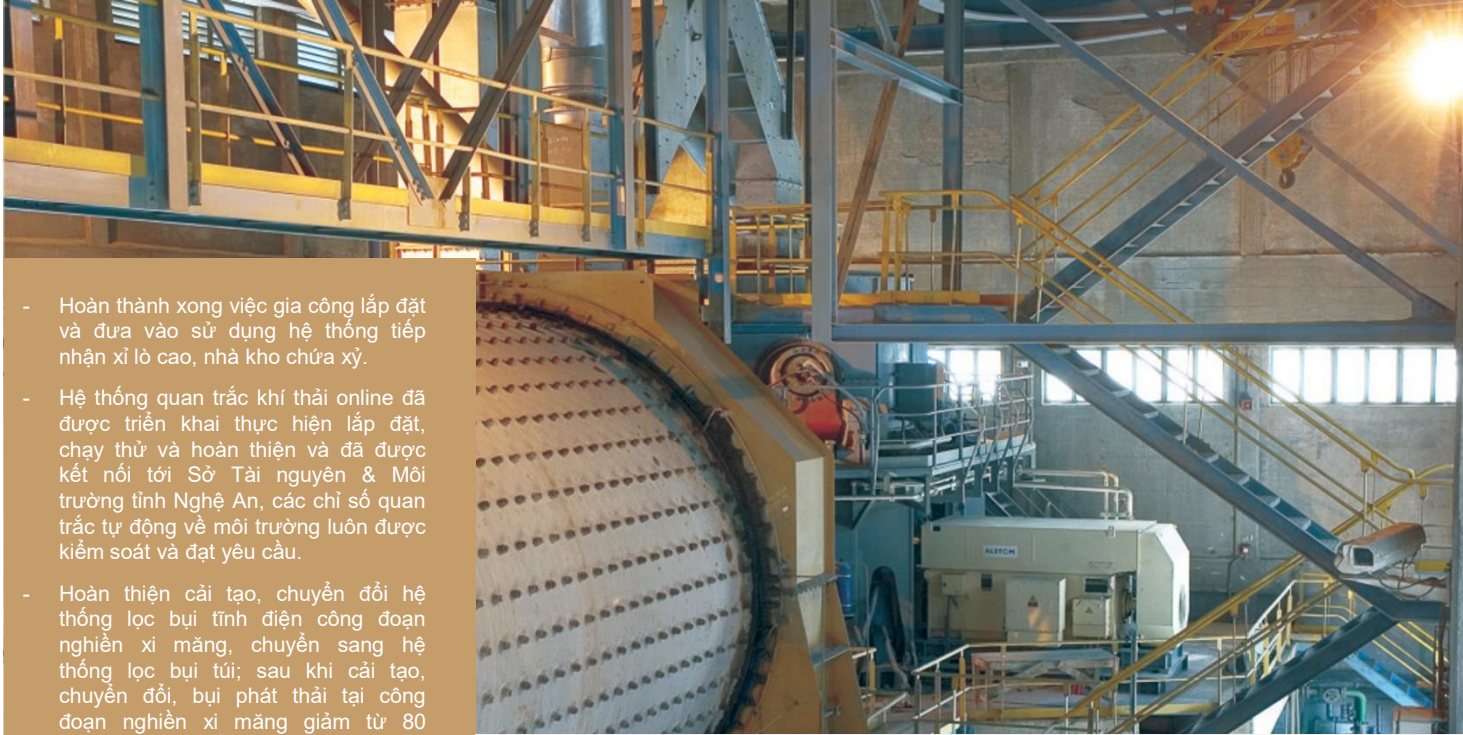
Sản lượng clinker sản xuất năm 2019 đạt 1.431.803 tấn, bằng 102,26% kế hoạch và tăng 2,26% so với cùng kỳ; sản lượng xi măng sản xuất đạt 1.550.200 tấn bằng 78,29% kế hoạch và giảm 11,07% so với cùng kỳ.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Những mặt đã làm được

Trong năm 2019, đối với công tác sản xuất, Công ty đã thực hiện tốt những nội dung chính, cơ bản như sau:

- Duy trì lò nung hoạt động dài ngày, năng suất cao (thời gian chạy lò đạt 336 ngày với năng suất bình quân đạt 4251 tấn/ ngày, tăng 3% so với năm 2018 (năm 2018 năng suất bình quân đạt 4.126 tấn/ngày).
- Chất lượng clinker, xi măng sản xuất đạt yêu cầu (hoạt tính clinker >55 N/mm², 100% sản lượng xi măng xuất xưởng đạt chất lượng).
- Công ty đã chủ động trong công tác điều hành sản xuất hàng ngày, xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn sát thực tế, tổ chức chỉ đạo, giám sát công tác sửa chữa đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ.
- Trong đợt sửa chữa tháng 5/2019, Công ty đã thực hiện được nhiều nội dung quan trọng như: sửa chữa, phục hồi lại cyclone C1 đúng như kích thước nguyên bản của LVT đã cải tạo năm 2016; cải tạo ống lồng cyclone C5,C3 theo đúng kích thước yêu cầu của FCB; thay thế làm mới ống trút liệu đáy cyclone C4,C5 bằng vật liệu chống bám dính.
- Công ty đã hoàn thiện báo cáo phương án sửa chữa và xử lý nút thắt công nghệ chuẩn bị triển khai thực hiện trong năm 2020 nhằm nâng cao năng suất, cải thiện hiệu suất lò nung.
- Đầu tư lắp đặt 2 trạm cân điện tử tại Mỏ đá vôi Hoàng Mai B và Mỏ đá sét Quỳnh Vinh, việc xác định sản lượng đá vôi và đá sét đã được thực hiện qua hệ thống cân.
- Hoàn thành xong việc gia công lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống tiếp nhận xỉ lò cao, nhà kho chứa xỉ.
- Hệ thống quan trắc khí thải online đã được triển khai thực hiện lắp đặt, chạy thử và hoàn thiện và đã được kết nối tới Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Nghệ An, các chỉ số quan trắc tự động về môi trường luôn được kiểm soát và đạt yêu cầu.
- Hoàn thiện cải tạo, chuyển đổi hệ thống lọc bụi tĩnh điện công đoạn nghiền xi măng, chuyển sang hệ thống lọc bụi túi; sau khi cải tạo, chuyển đổi, bụi phát thải tại công đoạn nghiền xi măng giảm từ 80 mg/Nm³ khí xuống chỉ còn dưới 30 mg/Nm³ khí, đảm bảo các yêu cầu khắt khe về môi trường.
- Hoàn thiện các hạng mục cho công tác phân loại, xử lý và đốt rác thải cho nhà máy. Năm 2019, thực hiện chủ trương đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ thạch cao và các sản phẩm phế thải công nghiệp khác của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất... với mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm sử dụng tài nguyên khoáng sản, Công ty đã triển khai thử nghiệm và đưa vào sản xuất xi măng có hiệu quả các loại tro, xỉ từ các nhà máy gang thép, nhiệt điện và hiện nay công ty đang tiến hành chạy thử nghiệm bùn thải lấy từ Nhà máy gang thép để thay thế một phần đá sét trong sản xuất bột liệu.

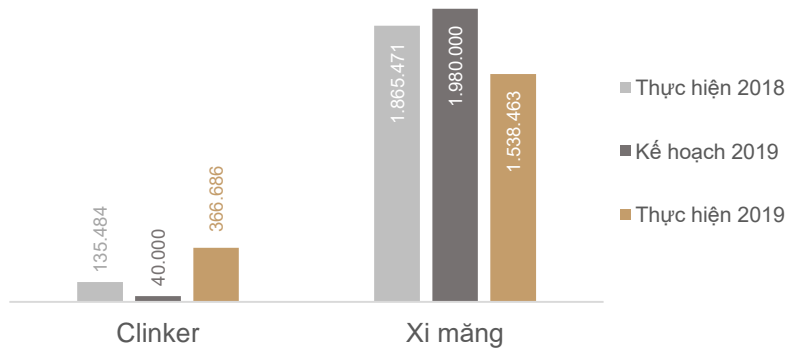


Những khó khăn, tồn tại

Bên cạnh những nội dung Công ty đã thực hiện tốt trong lĩnh vực sản xuất, năm 2019 vẫn còn những khó khăn, tồn tại cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổng công ty Xi măng Việt Nam và sự nỗ lực phấn đấu của Công ty để thực hiện tốt trong năm 2020 cụ thể như sau:

- Chưa giải quyết triệt để được các nút thắt công nghệ trong dây chuyền như: khả năng cháy của calciner, hiệu suất lắng của tháp trao đổi nhiệt, hiệu suất làm nguội của cooler...
- Năng suất của máy nghiền xi măng và máy đóng bao mặc dù đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng như kỳ vọng và có những thời điểm chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu xuất hàng tiêu thụ.
- Thiết bị mỏ xuống cấp gây tình trạng thiếu xe vận chuyển đá vôi, vận chuyển đá sét.
- Hàm lượng vật liệu sét cứng tại Mỏ sét Quỳnh Vinh chiếm trên 60% gây khó khăn trong việc khai thác và ảnh hưởng nhiều đến chất lượng phối liệu.
- Vị trí khai thác đá vôi và đá sét ngày càng xa, cung đường dốc.
- Tiêu hao than cho sản xuất clinker thực hiện trong năm 2019 cao hơn năm 2018 và cao hơn kế hoạch năm 2019, cụ thể: tiêu hao than năm 2019 là 835Kcal/kg.Clk, cao hơn tiêu hao năm 2018 và kế hoạch năm 2019 là 1% (tiêu hao năm 2018 là 826Kcal/kg.Clk, kế hoạch 2019 là 825Kcal/kg) do các vấn đề về nút thắt công nghệ của hệ thống lò nung chưa được xử lý triệt để.

III. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TIÊU THỤ



Năm 2019, tình hình thị trường xi măng vẫn trong tình trạng cung vượt cầu - cạnh tranh khốc liệt. Mặc dù, Công ty đã nỗ lực để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, gia tăng sản lượng, tuy nhiên tổng sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 1.905.149 tấn, bằng 94,31% kế hoạch và bằng 95,21% so với năm 2018.

- Sản lượng tiêu thụ xi măng trong nước đạt 1.291.770 tấn, bằng 94,74% so với năm 2018.
- Sản lượng xi măng xuất khẩu đạt 246.693 tấn bằng 49,15% so với sản lượng xuất khẩu năm 2018.
- Sản lượng tiêu thụ clinker của Công ty tăng mạnh đạt 366.686 tấn, tăng gấp 9 lần kế hoạch và bằng 270% so với năm 2018.

NHỮNG NGUYÊN NHÂN TÁC ĐỘNG ĐẾN TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂM 2019

Nguồn cung tại các thị trường cốt lõi, mục tiêu của Vicem Hoàng Mai như Thanh Hóa, Nghệ An đang ở mức rất cao, các dây chuyền mới có công suất lớn, tổng cộng khoảng trên 20 triệu tấn. Việc này đã gây áp lực lên năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực PCB40, PCB30 tại Nghệ An, Thanh Hóa và Hà Tĩnh.

Sản lượng xuất khẩu không đạt kế hoạch là do từ đầu năm 2019, Bộ Công nghiệp và thương mại Philippines (DTI) đã quyết định áp thuế phòng vệ tạm thời (khoảng 4 USD/tấn) để bảo vệ cũng như thúc đẩy ngành sản xuất trong nước. Đến tháng

9/2019, DTI chính thức áp thuế phòng vệ cho Vicem Hoàng Mai năm đầu tiên với mức 250 peso/tấn (112.500 đồng/tấn) khiến công tác tiêu thụ xi măng xuất khẩu ngày càng khó khăn.

Tại Lào, hệ thống cửa hàng chuyển sang tiêu thụ xi măng được sản xuất tại chỗ do Trung Quốc đầu tư như: Xi măng Na hìn (Bolikhămxay), Xi măng Văng Viêng, Xi măng Khăm muộn (Xiêngkhoảng) được chính quyền tạo điều kiện. NPP xi măng Vicem Hoàng Mai đang khó khăn thu hồi công nợ với các khách hàng tại đây.

Để giảm khó khăn về tiêu thụ, Công ty đã mở rộng thị trường vào Miền Trung - Tây Nguyên, tuy nhiên do tình trạng mất mùa tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên trong năm 2019 khiến nhu cầu tiêu thụ xi măng tại khu vực này giảm, kết hợp với hệ lụy từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã tác động đến nhu cầu tiêu thụ nông sản Việt Nam nói chung, khu vực Tây Nguyên nói riêng nên các nhà phân phối phải chuyển hướng vận tải bằng đường biển làm hao tổn nguồn lực, thời gian điều hành dẫn đến hiệu quả chung thấp và khó chủ động do yếu tố thời tiết.

Thời tiết tại các địa bàn chính như Nghệ An, Hà Tĩnh diễn biến bất lợi, mưa bão nhiều, ảnh hưởng đến hiệu quả tiêu thụ sản phẩm tại địa bàn chính và logistic vào khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, xuất khẩu.



IV. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2019 so với Kế hoạch

DOANH THU



Kế hoạch
1.877,7
tỷ đồng



Thực hiện
1.668,96
tỷ đồng



Đạt
88,88%
kế hoạch

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



Kế hoạch
38
tỷ đồng



Thực hiện
24,637
tỷ đồng



Đạt
64,82%
kế hoạch

LỢI NHUẬN SAU THUẾ



Kế hoạch
30,4
tỷ đồng



Thực hiện
20,525
tỷ đồng



Đạt
67,5%
kế hoạch

Do gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm đã ảnh hưởng đáng kể tới tình hình thực hiện kết quả kinh doanh năm 2019 của Vicem Hoàng Mai so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể Doanh thu đạt 1.668,96 tỷ đồng bằng 88,88% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty đạt lần lượt 23,19 tỷ đồng và 19,06 tỷ đồng, tương ứng với đạt 64,82% và 67,5% so với kế hoạch đề ra.

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2019 so với năm 2018.

Qua biểu đồ phân tích, có thể nhận thấy chỉ tiêu về doanh thu của Vicem Hoàng Mai trong năm 2019 có sự giảm nhẹ so với năm 2018. Tuy nhiên các chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế đều tăng trưởng, Cụ thể:

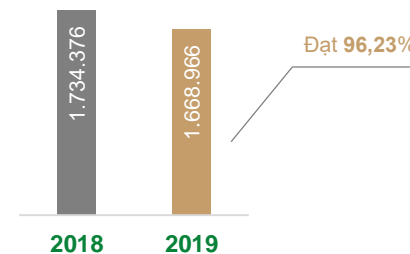
Doanh thu thuần của công ty đạt 1.668,96 tỷ đồng, bằng 96,23% so với doanh thu năm 2018;

Lợi nhuận trước thuế đạt 24,637 tỷ đồng bằng 106,23% so với lợi nhuận trước thuế năm 2018;

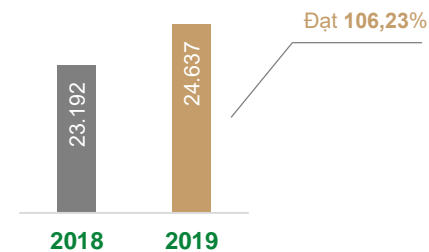
Lợi nhuận sau thuế đạt 20,525 tỷ đồng bằng 107,69% so với chỉ tiêu tương ứng của năm 2018.

Mặc dù gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm nhưng kết quả kinh doanh của Vicem Hoàng Mai đạt được trong năm 2019 cũng là một thành tích khả quan, thể hiện những nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã đồng tâm cố gắng để duy trì kết quả kinh doanh được tốt nhất.

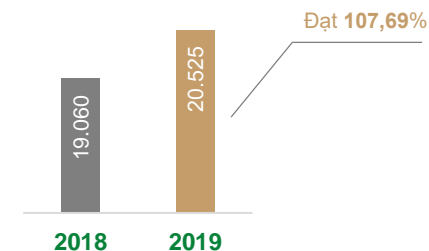
DOANH THU ĐVT: triệu đồng



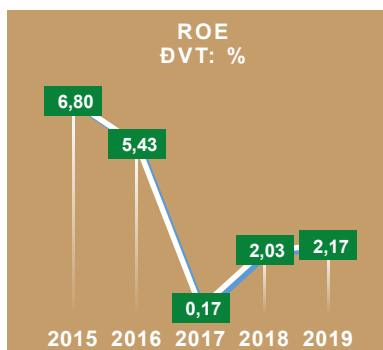
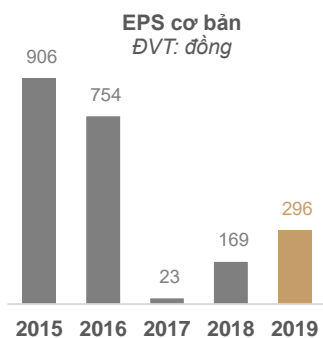
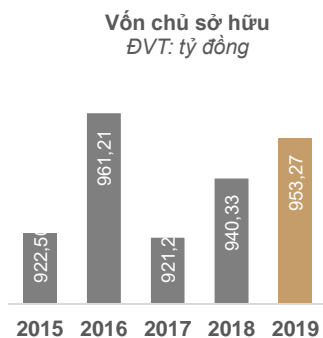
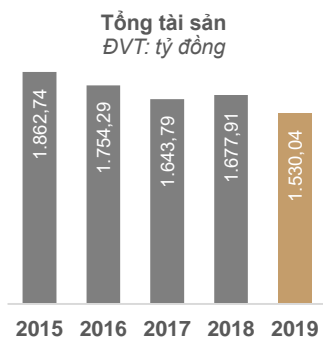
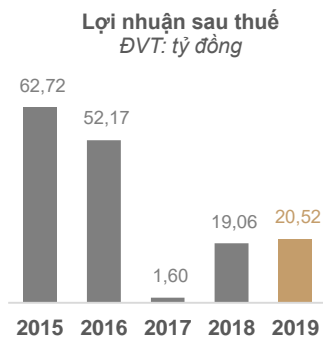
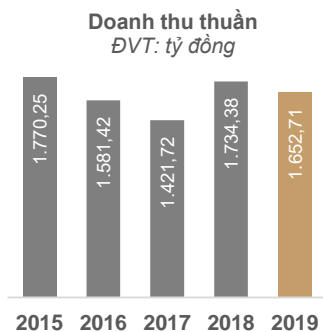
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐVT: triệu đồng



LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐVT: triệu đồng



V. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Biến động
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,87	1,01	116%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,47	0,45	96%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,44	0,38	86%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,78	0,61	78%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	6,02	5,54	92%
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	lần	1,04	1,03	99%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	1,1	1,23	112%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,03	2,17	107%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1,14	1,28	112%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,13	1,34	119%





VI. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Về tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư

Về tình hình huy động vốn, nhằm mục đích tìm kiếm nguồn tài trợ cho phương án sản xuất kinh doanh, công ty đã tiến hành ký kết các hợp đồng tín dụng ngắn hạn với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng: Ngân hàng Công thương Bắc Nghệ An hạn mức 300 tỷ đồng, Ngân hàng BIDV chi nhánh Phủ Diễn hạn mức 200 tỷ đồng, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thành Công - Hà Nội hạn mức 150 tỷ đồng. Số dư nợ vay và nợ tại ngày 31/12/2019 là 227,63 tỷ đồng. Toàn bộ là dư nợ vay ngắn hạn được sử dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh.

Về tình hình thực hiện các dự án lớn

Lũy kế thực hiện đầu tư xây dựng năm 2019 đạt 16,5% kế hoạch năm 2019. Công tác đầu tư xây dựng trong năm 2019 triển khai chậm so với tiến độ đặt ra, một trong những nguyên nhân chính là dự án đang trong giai đoạn đầu, chủ yếu là làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước, liên quan đến thủ tục cấp phép do đó phụ thuộc nhiều đến quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước:

- Đối với Dự án xi măng Hoàng Mai 2, Công ty đang triển khai hoàn thiện FS dự án xi măng Hoàng Mai 2 và hoàn thiện các thủ tục để được phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Đối với dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện: Công ty đã phối hợp với nhà thầu tư vấn CCID lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và trình cấp có thẩm quyền thỏa thuận và phê duyệt.
- Dự án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, xin cấp lại giấy phép khai thác mỏ sét Quỳnh Vinh: Công ty đã hoàn thành việc xin gia hạn Giấy phép khai thác Mỏ sét Quỳnh Vinh với thời hạn là 8 năm. Hiện đã hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu thi công thăm dò và nâng cấp trữ lượng, nhà thầu chuẩn bị tiến hành thi công thăm dò theo Đề án đã được Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt.
- Dự án xin cấp lại Giấy phép khai thác Mỏ đá vôi Hoàng Mai B: hiện công ty đang tiếp tục làm việc với Sở Tài nguyên Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa để giải trình các vấn đề theo quy hoạch khoáng sản và xử lý các vấn đề chông chéo về quy hoạch.

VII. NHÂN SỰ ĐÀO TẠO

Kể từ ngày đầu thành lập tới nay, Vicem Hoàng Mai luôn luôn xác định Con người là Tài sản quý báu nhất của Công ty, là yếu tố then chốt cho thành công và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó, Vicem Hoàng Mai rất chú trọng và quan tâm đến chính sách đãi ngộ, đào tạo, phát triển cũng như đời sống cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

Công tác tổ chức lao động

Trong năm 2019, Công ty đã và đang hoàn thiện Đề án tái cơ cấu công ty giai đoạn 2019- 2025; đã thực hiện tổ chức lại sản xuất theo chủ trương chung của VICEM, đã tiến hành rà soát lại lao động để giảm số lao động dư thừa đồng thời có chương trình hỗ trợ đối với người lao động chậm dứt hợp đồng lao động. Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2019 là 858 người, giảm 10 người so với thời điểm 01/01/2019.

Trên cơ sở tổ chức lại bộ máy, sắp xếp lại lao động, công ty đang tiến hành rà soát lại để sửa đổi, ban hành mới quy chế tiền lương, quy chế đào tạo cho phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời đảm bảo tính công bằng cho cán bộ, người lao động. Từ ngày 01/01/2020, Công ty đã thực hiện phương án giao quỹ lương đến các đơn vị trong công ty.

Công tác tiền lương, thu nhập

Năm 2019, Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, khám sức khỏe định kỳ



đầy đủ cho người lao động; 100% được huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, được ký kết hợp đồng lao động đúng quy định, được tham gia các tổ chức chính trị, xã hội, tham quan du lịch học tập kinh nghiệm, giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao;

Tổng quỹ lương năm 2019 được phê duyệt là 117,16 tỷ đồng. Trong đó, quỹ tiền lương của người quản lý là 2,449 tỷ đồng, theo đó tiền lương bình quân của người quản lý là 36 triệu đồng/người/tháng; quỹ tiền lương của người lao động là 114,711 tỷ đồng, theo đó, tiền lương bình quân của người lao động là hơn 11 triệu đồng/người/tháng. Như vậy, mức tiền lương bình quân của người lao động được đảm bảo duy trì cao hơn năm 2018.

Công tác đào tạo

Năm 2019, Công ty tổ chức 51 khóa đào tạo các lĩnh vực quản lý, tài chính, kinh tế, kỹ thuật, cụ thể như: khóa đào tạo cao cấp lý luận chính trị; khóa đào tạo về kế toán viên, kiểm toán viên và nâng cao nghiệp vụ kiểm toán viên; nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ cấp trung; đào tạo về quản trị sản xuất; đào tạo kỹ năng quản lý công việc hiệu quả và kỹ năng khách lệ tạo động lực, tăng hiệu suất công việc của nhân viên cho cán bộ quản lý; đào tạo về quản trị doanh nghiệp trong cách mạng CN 4.0; tổ chức các lớp tập huấn quản trị hiệu quả rủi ro gian lận thuế và báo cáo tài chính; tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy; bồi dưỡng quản trị doanh nghiệp... Tổng số người được đào tạo năm 2019 là trên 1.360 lượt người với tổng giá trị đào tạo đạt 2,2 tỷ đồng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2019

Thị trường tiêu thụ xi măng năm 2019 vẫn tăng trưởng nhất định, sản lượng tiêu thụ xi măng năm 2019 toàn ngành đạt khoảng 98 triệu tấn; trong đó sản lượng tiêu thụ xi măng nội địa đạt khoảng 67 triệu tấn; sản phẩm xi măng và clinker xuất khẩu đạt khoảng 32 triệu tấn với giá trị xuất khẩu ước đạt 1,27 tỷ USD. Tuy nhiên năm 2019 là một năm khó khăn đối với Vicem Hoàng Mai khi chịu cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ ngoài Vicem và chính sách áp thuế phòng vệ đối với xi măng xuất khẩu từ Bộ Công nghiệp và Thương mại Philippines (DTI).

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019
I.	Sản lượng sản xuất				
1.	Clinker	Tấn	1.400.097	1.400.000	1.431.803
2.	Xi măng	Tấn	1.743.092	1.980.000	1.550.200
II.	Sản lượng tiêu thụ				
1	Clinker	Tấn	135.484	40.000	366.686
2	Xi măng	Tấn	1.865.471	1.980.000	1.538.463
III.	Kết quả sản xuất kinh doanh				
1	Doanh thu	Triệu đồng	1.734.376	1.877.873	1.668.966
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	23.192	38.009	24.637
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	19.060	30.407	20.525

Năm 2019, doanh thu kinh doanh đạt 1.668,96 tỷ đồng đạt 88,88% so với kế hoạch và giảm nhẹ so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt 20,52 tỷ đồng đạt 67,5% với với kế hoạch và bằng 107,69% so với lợi nhuận sau thuế của năm 2018. Trong điều kiện khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty đã nỗ lực hết sức để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt kết quả tốt nhất, cố gắng hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

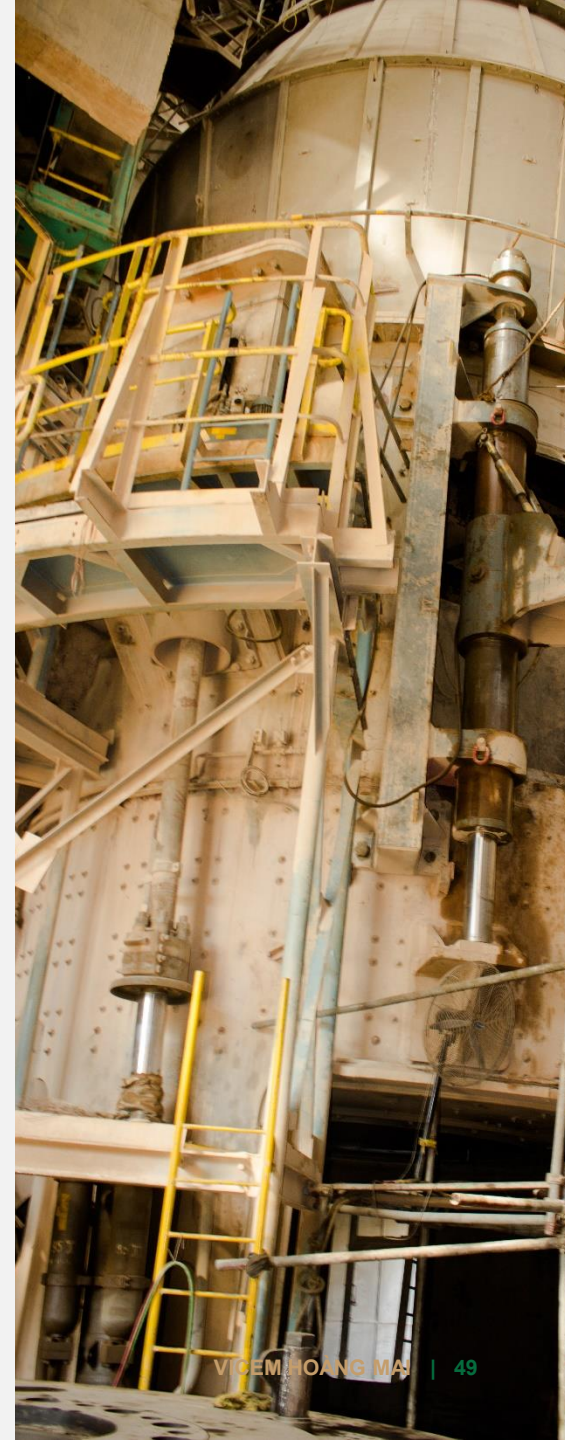
Cơ cấu Ban Giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty. Các thành viên trong Ban Giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án của các doanh nghiệp lớn.

Tổng Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng Giám đốc và định kỳ hàng tháng tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tháng và giao kế hoạch công việc cho kỳ tiếp theo.



Trong năm 2019, Ban Giám đốc đã:

- Triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Ban quản lý điều hành đã luôn bám sát Nghị quyết của HĐQT đề ra, định kỳ mỗi quý báo cáo đánh giá sát thực tình hình sản xuất kinh doanh của quý trước và xây dựng kế hoạch, giải pháp cho quý tiếp theo để báo cáo HĐQT; tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.
- Tuân thủ theo đúng trình tự biểu quyết và khi quyết định những vấn đề quan trọng đều đạt được sự nhất trí tối đa.
- Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên Ban Giám đốc đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban hành các chính sách thu hút khách hàng; các giải pháp cải cách tiền lương nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất; các giải pháp nhằm quản trị chặt chẽ chi phí sản xuất... Công tác đầu tư mua sắm cũng được quản trị chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật.
- Ban Giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; chủ động trong việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt.
- Ban Giám đốc cũng đã phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.



Bước sang năm 2020, bên cạnh những thuận lợi như kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, GDP dự báo tăng trưởng ở mức cao (6,7%). Tuy nhiên môi trường kinh doanh năm 2020 cũng sẽ gặp nhiều khó khăn như: tác động của chính sách bảo hộ; chiến tranh thương mại giữa các nước lớn; dự báo chi phí năng lượng (than, dầu) tiếp tục có xu hướng tăng, các yếu tố đầu vào cho sản xuất xi măng cũng sẽ bị tác động tiêu cực.

Vicem Hoàng Mai cũng đang đứng trước thách thức về hạn chế năng lực sản xuất để tăng trưởng; áp lực của việc bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả các tài nguyên để phát triển xanh, bền vững theo yêu cầu của VICEM và của cơ quan quản lý Nhà nước.

Tại các địa bàn tiêu thụ chính của Vicem Hoàng Mai, đặc biệt tại địa bàn chính Nghệ An, nhiều xi măng trong đó có Nghi Sơn, Vissai Sông Lam, Long Sơn, Lộc Sơn, Công Thành,... tiếp tục củng cố thị trường, tích cực chăm sóc hệ thống phân phối, Xi măng Tân Thắng đi vào hoạt động, những yếu tố này tạo thách thức không nhỏ trong cạnh tranh đối với Vicem Hoàng Mai.

Vì vậy năm 2020 đòi hỏi tập thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty phải hết sức năng động, sáng tạo và phấn đấu để hoàn thành mục tiêu năm 2020.

Với những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019, căn cứ vào khả năng huy động thiết bị cho sản xuất và dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng, Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	Năm 2020
I.	Sản lượng sản xuất		
1.	Clinker	Tấn	1.420.000
2.	Xi măng	Tấn	1.650.000
II.	Sản lượng tiêu thụ		
1	Clinker	Tấn	250.000
2	Xi măng	Tấn	1.650.000
III.	Kết quả sản xuất kinh doanh		
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	1.683.536
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.018
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24.015
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	2,60%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	49.800
6	Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	123.018

Để hoàn thành kế hoạch đề ra, Công ty xác định sẽ phải tập trung mọi nguồn lực và ngay từ những ngày đầu năm 2020, Công ty đã xây dựng và thực hiện ngay những giải pháp chính sau:

ĐỐI VỚI SẢN XUẤT

Sớm hoàn thiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng giai đoạn 3 của mỏ đá vôi Hoàng Mai B để mở rộng diện khai thác, ổn định phối liệu sản xuất clinker.

Lập và triển khai thực hiện công tác sửa chữa thiết bị đảm bảo chất lượng, tiến độ, đảm bảo thời gian huy động thiết bị cao nhất.

Thực hiện nghiêm chỉnh quy trình, quy phạm trong vận hành và sửa chữa thiết bị, không để xảy ra mất an toàn cho người và thiết bị.

Căn cứ vào tình hình sản xuất có kế hoạch dừng thiết bị tránh tiêu thụ năng lượng điện vào giờ cao điểm, tiết kiệm chi phí sản xuất.

Phấn đấu thực hiện tốt các định mức tiêu hao trong sản xuất; tăng cường kiểm soát vật tư, phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào để giảm tồn kho hàng hóa đến mức hợp lý nhất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Xây dựng phương án và đưa vào thực hiện sử dụng các phế thải công nghiệp từ các nhà máy gang thép, nhiệt điện như tro bay, xỉ lò cao, xỉ khử lưu huỳnh, bùn thải làm nguyên, nhiên liệu thay thế trong sản xuất xi măng, clinker nhằm giảm chi phí và góp phần bảo vệ môi trường.

Tiếp tục rà soát và đưa ra các bài toán phối liệu mới với phương châm đáp ứng hiệu quả nhất cho sản xuất (dễ nung luyện

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

giảm chi phí phụ gia điều chỉnh đặc biệt là đất giàu sắt nhưng phải đảm bảo chất lượng clinker và năng suất lò).

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thu gom, vận chuyển, sơ chế và đốt rác ở tháp PH, mục tiêu sử dụng chất thải thay thế 10% nhiên liệu hóa thạch cho sản xuất clinker.

Đào tạo và nâng cao trình độ cho kỹ sư vận hành các công đoạn trong nhà máy, đồng thời tăng cường công tác thăm quan học hỏi kinh nghiệm tại các đơn vị thành viên trong VICEM.

ĐỐI VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Xây dựng và kiểm soát chính sách bán hàng một cách chuyên nghiệp trên nguyên tắc: định hướng của VICEM, kỷ cương về quy định giá, địa bàn tiêu thụ, gắn với sản lượng tiêu thụ gia tăng. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin để triển khai và giám sát.

Củng cố lại hệ thống nhà phân phối tại Nghệ An, Hà Tĩnh, Khánh Hòa, Phú Yên.

Tiếp tục củng cố mối quan hệ hợp tác với các nhà phân phối hiện hữu tại các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên thông qua các hoạt động: đảm bảo nguồn cung tại chỗ bằng cách hỗ trợ xây dựng hệ thống kho tại các địa bàn, hỗ trợ nhà phân phối trong điều hành logistic, triển khai đấu thầu vận tải.

Tại Nghệ An, Hà Tĩnh: tiếp tục rà soát lại hệ thống cửa hàng vật liệu xây dựng, duy trì hệ thống cửa hàng gắn bó thông qua chương trình Gắn kết dài lâu, tích điểm online để tạo sự ràng buộc về tiêu thụ trong dài hạn, tăng hiệu quả. Phối hợp nhà phân phối phụ trách địa bàn phân giao địa bàn cho hệ thống cửa hàng bằng chế tài, chính sách bán hàng có ứng dụng công nghệ thông tin.

Thực hiện trưng bày hoặc hỗ trợ vận tải cho các cửa hàng tại các vùng khó để đảm bảo nguồn cung tại chỗ, tạo thuận lợi cho hệ thống cửa hàng gắn bó, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm: Tây Hà Tĩnh, Tây Nam Nghệ An, Phú Yên, Kon Tum.

Tiếp tục hoàn thiện trang thông tin điện tử, app đặt hàng online chuyên nghiệp, triển khai và kiểm soát chính sách bán hàng trên hệ thống. Tiếp tục tích hợp, cải tiến phần mềm quản lý bán hàng điện tử DMS với ERP.

Tuyển dụng nhân viên thương vụ bản địa cho địa bàn Miền Trung.

Cơ cấu lại bộ máy Xi nghiệp tiêu thụ tinh gọn, hiệu quả. Xây dựng hình thức khoán lương, thưởng cho Xi nghiệp Tiêu thụ.

Phối hợp với các đơn vị trong VICEM tìm kiếm đối tác xuất khẩu xi măng để nâng cao hiệu quả trong công tác kinh doanh xi măng xuất khẩu.

Tiếp tục giữ vững và cải thiện sự ổn định về chất lượng xi măng bao và rời, tăng hiệu quả dịch vụ tư vấn kỹ thuật trước, trong và sau bán hàng.

ĐỐI VỚI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch và các nguồn lực của Công ty, các đơn vị trong Công ty.

Thực hiện các biện pháp quản lý trong mua sắm, chi tiêu, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tiếp tục rà soát hàng hoá tồn kho, sử dụng vật tư phụ tùng tồn kho với mục tiêu tiếp tục giảm giá trị hàng tồn kho tối đa trong năm 2020.

Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để không có nợ xấu.

Sử dụng linh hoạt, có hiệu quả đồng vốn để tăng hiệu quả hoạt động tài chính.

Triển khai việc giao quỹ tiền lương cho các đơn vị gắn liền với định biên lao động, sản lượng, chi phí sửa chữa.

Dựa trên các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 để tổ chức hội nghị đánh giá, phân tích hiệu quả kinh tế ngay từ đầu năm để các đơn vị trong công ty triển khai thực hiện một cách có hiệu quả các chỉ tiêu được giao.

VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Đối với dự án đầu tư xây dựng dây chuyền Xi măng Hoàng Mai 2: trong năm 2020, Công ty tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý để hoàn thành việc chuyển giao Dự án Gạch không nung Đông Hải, hoàn thiện công tác lập FS trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép đầu tư và triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư, triển khai các gói thầu thuộc Dự án.

Đối với tận dụng nhiệt thừa phát điện: năm 2020, Vicem Hoàng Mai sẽ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án để trình VICEM thỏa thuận, phê duyệt. Song song với công việc trên, Vicem Hoàng Mai sẽ thuê tư vấn lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi dự án. Sau khi có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư sẽ hoàn thành Báo cáo Nghiên cứu khả thi trình Thẩm tra/thẩm định, thỏa thuận phê duyệt dự án.

Tiếp tục triển khai các hạng mục trong kế hoạch đối với các dự án nhóm C bao gồm DA thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng, xin cấp lại giấy phép khai thác mỏ đá với Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh.

Thực hiện sửa chữa các công trình, vật kiến trúc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch năm 2020 được phê duyệt.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP VÀ CÁC CÔNG TÁC KHÁC

Hoàn thiện Đề án tái cơ cấu Công ty, trong đó hoàn thiện mô hình tổ chức, tái cơ cấu lực lượng lao động, tập trung thực hiện phương án giải quyết lao động dôi dư, để đạt được mục tiêu tăng năng suất lao động từ 7 đến 10%, tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực hiện chương trình giao quỹ lương đến từng đơn vị gắn liền với sản lượng, chất lượng sản phẩm và chi phí sửa chữa nhằm tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ người lao động ở tất cả các lĩnh vực thông qua việc triển khai các khóa đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung, đào tạo ngắn hạn, đào tạo dài hạn.

Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong công ty, đảm bảo trong năm 2020, không để xảy ra bất cứ tai nạn rủi ro nào đối với người và thiết bị.

Tổ chức đảng, công đoàn cùng chuyên môn phối hợp chặt chẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các phong trào thi đua trong toàn công ty với mục tiêu hoàn thành kế hoạch năm 2020 đã đề ra.





QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ►

1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
4. THỦ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
5. QUẢN TRỊ RỦI RO



“Chúng tôi tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty tốt nhất và thực hiện công việc kinh doanh phù hợp với các luật, quy tắc và quy định hiện hành, bao gồm Quy chế niêm yết (“Quy chế niêm yết”) của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội (HNX) và cố gắng thực hiện theo các nguyên tắc và hướng dẫn của “Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho Công ty đại chúng tại Việt Nam” do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phối hợp soạn thảo và ban hành tháng 8/2019.



Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức thành công Đại Hội đồng cổ đông tại Hoàng Mai ngày 25/04/2019. Hội nghị ban hành nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019 thông qua các vấn đề:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018;
- Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019;
- Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018;
- Thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018, phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời điểm phát hành, thực hiện các thủ tục phát hành tăng vốn đảm bảo đúng quy định hiện hành;
- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018;
- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;
- Thông qua thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2018 và kế hoạch chi trả năm 2019.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định; năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp và 11 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua việc giao ban công việc hàng quý, tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh trong năm 2019 thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT; xem xét, giám sát báo cáo tài chính của Ban điều hành. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2019

HĐQT thực hiện quyền giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết. Tại các cuộc họp HĐQT, các đồng chí trong Ban Tổng giám đốc phải trình bày báo cáo và kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ mình phụ trách. Năm 2019, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để điều hành. Cơ quan điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản lượng sản xuất, tiêu thụ và thực hiện tiết giảm các định mức trong sản xuất.



Các Nghị quyết đã ban hành

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
1	04/NQ-XMHHM-HĐQT	18/01/2019	- Thông qua Quy chế thi đua khen thưởng (sửa đổi).
2	12/NQ-XMHHM-HĐQT	15/03/2019	- Điều động, bổ nhiệm nhân sự tại Ban đầu tư xây dựng, Xưởng sửa chữa và Xưởng nguyên liệu. - Phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD quý I, quý II và cả năm 2019. - Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty. - Thống nhất kế hoạch dừng lò SCL công đoạn sản xuất clinker, nghiền liệu và các thiết bị liên quan trong quý II năm 2019. - Thống nhất chủ trương triển khai một số gói thầu trước phục vụ báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án Xi măng Hoàng Mai 2 - Giai đoạn 1. - Thống nhất chủ trương lập dự án đầu tư cảng Vicem Hoàng Mai tại Đông Hội, Nghệ An. - Thống nhất ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng, các giao dịch tài chính. - Thống nhất thành lập Ban Đầu tư xây dựng trên cơ sở nâng cấp Phòng Đầu tư xây dựng hiện tại; - Thống nhất chủ trương thành lập Xí nghiệp Khai thác mỏ và Xí nghiệp Dịch vụ công nghiệp; - Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào lúc 08h00' ngày thứ năm, 25/04/2019; địa điểm tại Hội trường lớn Công ty - Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An. - Thống nhất thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Giao cho Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị liên quan chuẩn bị đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành đại hội.
3	13/NQ-XMHHM-HĐQT	15/03/2019	

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết đã ban hành (tiếp theo)

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
4	15/NQ-XMHHM-HDQT	25/03/2019	- Thống nhất nội dung Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An từ Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai. Giao cho Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký Hợp đồng chuyển nhượng Dự án trên với Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo quy định và Hợp đồng chỉ có giá trị thực hiện khi các cơ quan có thẩm quyền thống nhất cho chuyển nhượng Dự án.
5	26/NQ-XMHHM-HDQT	12/07/2019	- Thống nhất kết quả SXKD quý II và phê duyệt kế hoạch SXKD quý III năm 2019; - Thống nhất sửa đổi cơ cấu tổ chức Công ty: Thành lập Ban đầu tư xây dựng, Xí nghiệp khai thác mỏ, Xí nghiệp dịch vụ công nghiệp và đổi tên một số đơn vị trong Công ty;
6	27/NQ-XMHHM-HDQT	12/07/2019	- Thống qua Quy chế quản lý Đầu tư xây dựng; - Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xi măng Hoàng Mai 2 - giai đoạn 1 với tổng mức đầu tư ước tính (chưa bao gồm thuế GTGT) là 6.124 tỷ đồng.
7	32/NQ-XMHHM-HDQT	23/07/2019	- Thống nhất chủ trương bổ nhiệm lại ông Đặng Ngọc Long giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty;
8	34/NQ-XMHHM-HDQT	25/07/2019	- Thống nhất bổ nhiệm ông Lê Trung Kiên, Trưởng Ban đầu tư xây dựng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty; - Thống nhất bổ nhiệm ông Lê Quý Thạch, Trưởng phòng Hành chính quản trị giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty;

STT	NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
9	40/NQ-XMHHM-HDQT	30/07/2019	- Thống nhất chủ trương bổ nhiệm lại bà Đậu Thị Nga tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty; - Thống nhất giao ông Lê Trung Kiên, Phó Tổng giám đốc kiêm nhiệm Trưởng ban quản lý đầu tư xây dựng - Thống nhất điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giao nhiệm vụ cho cán bộ lãnh đạo các đơn vị trong Công ty;
10	51/NQ-XMHHM-HDQT	04/10/2019	- Phê duyệt các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2019.
11	53/NQ-XMHHM-HDQT	10/10/2019	- Phê duyệt kết quả SXKD quý 3 và 9 tháng đầu năm 2019, phê duyệt kế hoạch SXKD quý 4 và các giải pháp thực hiện; - Thống qua định hướng kế hoạch SXKD 2020, đồng thời giao Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị rà soát, hoàn thiện; Ủy quyền cho Tổng giám đốc công ty thay mặt HDQT, người đại diện phần vốn của Vicem tại Công ty ký báo cáo kế hoạch SXKD năm 2020 gửi Tổng Công ty Xi măng Việt Nam để thỏa thuận.
12	56/NQ-XMHHM-HDQT	23/10/2019	- Quyết định gia hạn thời gian phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 đến khi có quyết định chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.
13	62/NQ-XMHHM-HDQT	19/11/2019	- Bổ nhiệm lại ông Đặng Ngọc Long giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty. - Bổ nhiệm lại bà Đậu Thị Nga giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
14	71/NQ-XMHHM-HDQT	29/11/2019	- Thống nhất các ông Trần Việt Hồng và ông Lê Quý Thạch thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty để nhận công tác mới theo quyết định điều động của Tổng Công ty xi măng Việt Nam.
15	79/NQ-XMHHM-HDQT	29/11/2019	- Thống nhất dừng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
16	81/NQ-XMHHM-HDQT	31/12/2019	- Thống nhất tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai - Xí nghiệp bê tông và xây dựng.

Các Quyết định đã ban hành

STT	QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
1	05/QĐ-XMHM-HĐQT	18/01/2019	- Quyết định về việc ban hành Quy chế Thi đua Khen thưởng (sửa đổi) của Công ty.
2	10/QĐ-XMHM-HĐQT	04/03/2019	- Quyết định về việc bổ sung định mức Kinh tế kỹ thuật năm 2018 của Công ty.
3	14/QĐ-XMHM-HĐQT	25/03/2019	- Quyết định về việc đổi tên Phòng Đầu tư xây dựng thành Ban Đầu tư xây dựng.
4	16/QĐ-XMHM-HĐQT	25/03/2019	- Quyết định về việc giao cho Tổng Giám đốc Công ty đại diện cho Công ty thực hiện ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng, các giao dịch tài chính với các tổ chức tín dụng và tổ chức khác theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
5	20/QĐ-XMHM-HĐQT	03/05/2019	- Quyết định về việc các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty.
6	28/QĐ-XMHM-HĐQT	12/07/2019	- Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xi măng Hoàng Mai 2 - Giai đoạn 1 với tổng mức đầu tư ước tính (chưa bao gồm thuế GTGT) là 6.124 tỷ đồng.
7	29/QĐ-XMHM-HĐQT	12/07/2019	- Quyết định ban hành "Quy chế quản lý đầu tư xây dựng" của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
8	30/QĐ-XMHM-HĐQT	12/07/2019	- Phê duyệt mức khoán chi phí năm 2019 cho Xi nghiệp Tiêu thụ.
9	35/QĐ-XMHM-HĐQT	25/07/2019	- Bổ nhiệm ông Lê Quý Thạch, Trưởng phòng Hành chính quản trị Công ty giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty
10	36/QĐ-XMHM-HĐQT	26/07/2019	- Bổ nhiệm ông Lê Trung Kiên, Trưởng ban Đầu tư xây dựng Công ty giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty
11	45/QĐ-XMHM-HĐQT	01/08/2019	- Quyết định điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty.
12	46/QĐ-XMHM-HĐQT	01/08/2019	- Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai - Ban Đầu tư Xây dựng.

STT	QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH
13	47/QĐ-XMHM-HĐQT	01/08/2019	- Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai - Xi nghiệp Khai thác mỏ.
14	48/QĐ-XMHM-HĐQT	01/08/2019	- Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai - Xi nghiệp Dịch vụ Công nghiệp.
15	55/QĐ-XMHM-HĐQT	10/10/2019	- Phê duyệt Kế hoạch chi phí trong giai đoạn chuẩn bị Dự án Xi măng Hoàng Mai 2 - Giai đoạn 1 với giá trị là 73.344.309.000 đồng.
16	57/QĐ-XMHM-HĐQT	23/10/2019	- Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy chế tiền lương năm 2014 của Công ty.
17	58/QĐ-XMHM-HĐQT	23/10/2019	- Quyết định về việc bãi bỏ một số nội dung trong Quy chế tuyển dụng năm 2014 của Công ty.
18	66/QĐ-XMHM-HĐQT	20/11/2019	- Quyết định bổ nhiệm lại ông Đặng Ngọc Long, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty
19	68/QĐ-XMHM-HĐQT	20/11/2019	- Quyết định bổ nhiệm lại bà Đậu Thị Nga, giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty
20	72/QĐ-XMHM-HĐQT	29/11/2019	- Quyết định ông Trần Việt Hồng thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty để nhận công tác mới theo Quyết định điều động cán bộ của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.
21	73/QĐ-XMHM-HĐQT	29/11/2019	- Quyết định ông Lê Quý Thạch thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty để nhận công tác mới theo Quyết định điều động cán bộ của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.
22	77/QĐ-XMHM-HĐQT	30/12/2019	- Quyết định điều chỉnh mức lương tối thiểu doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai từ 3.000.000 đồng/tháng lên 3.200.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/01/2020.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban Kiểm soát với Công ty.

Năm 2019, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành 04 cuộc họp trực tiếp để đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong hoạt động của Hội đồng quản trị; việc thực hiện các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ban hành, của Ban Giám đốc Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm soát đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong công tác quản trị Công ty.

Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm sát tập trung: Kiểm tra giám sát tình hình tài chính, bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty, giám sát việc thực hiện chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của ĐHCĐ, các quyết định, chỉ thị của VICEM đối với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong năm 2019;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đối với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;

- Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện hỗ trợ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành Công ty; duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ. Năm 2019, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm;
- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát);
- Ban kiểm soát sẽ thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty;

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và công ty), đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm;

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2019, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng và quyết định hoạt động của công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019;

Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.



KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2019, Tổng giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

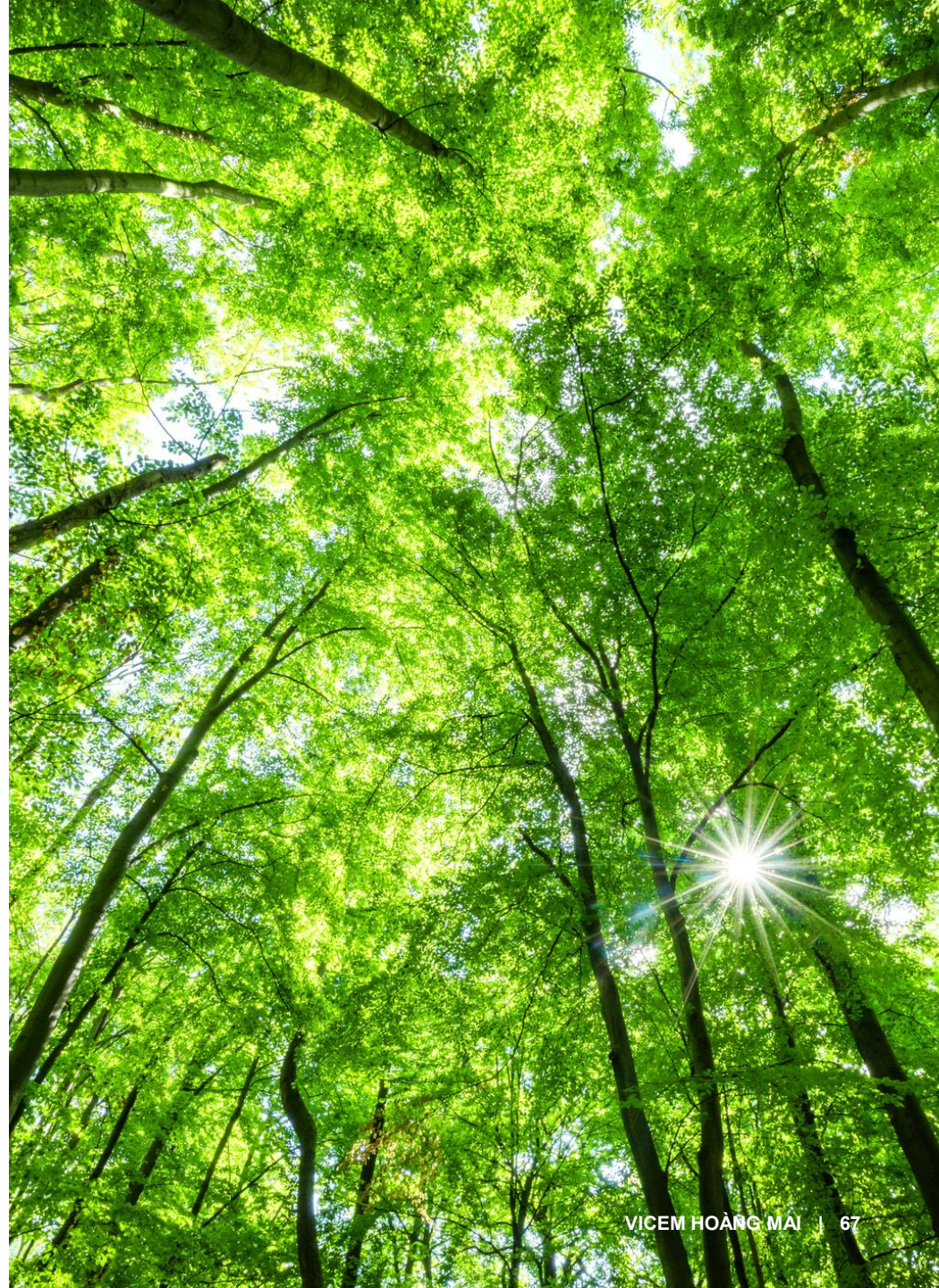
Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật của Việt Nam. Làm việc với các ngân hàng để được tiếp cận các gói vay có lãi suất ưu đãi, đôn đốc thu hồi công nợ và linh hoạt trong việc sử dụng dòng tiền nhằm giảm chi phí tài chính. Chỉ đạo việc phân tích hoạt động kinh tế để tìm ra giải pháp tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo công tác thu hồi công nợ xi măng giao thông nông thôn.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua phương án chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, ban kiểm soát như sau:

- Chủ tịch HĐQT mức: 8.000.000 đồng/người/tháng
- Các thành viên HĐQT mức: 6.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (đồng)
1	Đinh Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	96.000.000
2	Nguyễn Quốc Việt	Ủy viên HĐQT	72.000.000
3	Lê Trung Kiên	Ủy viên HĐQT	72.000.000
4	Trần Việt Hồng	Ủy viên HĐQT	72.000.000
5	Trần Đức Danh	Ủy viên HĐQT	72.000.000
6	Cao Trọng Nghiên	Thành viên BKS	48.000.000
7	Thái Huy Chương	Thành viên BKS	48.000.000



Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai xác định quản trị rủi ro là một trong những nguyên tắc quản trị công ty hàng đầu cần được đặc biệt chú trọng. Ban lãnh đạo đã đề xuất và thực hiện nhiều biện pháp để quản trị rủi ro nhằm hạn chế ở mức thấp nhất các ảnh hưởng xấu của những rủi ro này đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.



Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời áp dụng linh hoạt phù hợp với mô hình của hoạt động công ty và môi trường hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. HĐQT và Ban điều hành công ty đã nhận diện những rủi ro chính ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Hoạt động quản trị rủi ro hướng đến các mục tiêu:

- Kịp thời nhận diện rủi ro và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động;
- Tăng cường năng lực trong việc ra quyết định, lập kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức của Công ty;
- Bảo vệ và tăng cường tài sản cũng như hình ảnh Công ty;
- Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và quản trị rủi ro, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Công ty.

1. Rủi ro trong hoạt động sản xuất và vận hành nhà máy

Nhà máy xi măng Hoàng Mai đã vận hành liên tục và hoạt động sản xuất 25 năm, mặc dù được sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên nhưng thiết bị, máy móc trong dây chuyền công nghệ đang có xu hướng giảm tuổi thọ, bước vào giai đoạn có nguy cơ tiềm ẩn những sự cố, hỏng hóc. Những sự cố trong vận hành nếu phát sinh sẽ dẫn tới ngừng hoạt động của thiết bị chính để khắc phục, thời gian dừng hoạt động của thiết bị chính sẽ tác động lớn đến khả năng hoàn thành chỉ tiêu sản lượng sản xuất, tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, sự cố trong vận hành nhà máy cũng có nguy cơ tác động đến môi trường, an toàn lao động. Chi phí duy tu, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa lớn làm tăng chi phí đầu vào của sản phẩm sản xuất. Ngoài ra, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro về cháy nổ.

2. Rủi ro về cung - cầu trên thị trường hàng hóa

Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Việt Nam nhấn mạnh khi nói về câu chuyện dư cung của ngành xi măng: “Dư thừa năng lực sản xuất đang là vấn đề đối với phần lớn doanh nghiệp trong ngành”. Theo thông tin từ Bộ xây dựng, cả nước hiện có 84 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất đạt 101,74 triệu tấn. Ngành xi măng đang rơi vào tình trạng “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn. Thị trường trong nước tiêu thụ khó khăn, các doanh nghiệp đã tìm hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, do giá thành cao, cơ sở hạ tầng như cảng biển, phương tiện vận tải chưa đồng bộ... nên công tác xuất khẩu xi măng chưa đem lại hiệu quả cao. Mặt khác, theo nhận định của Bộ Xây dựng, hiện lượng xuất khẩu của Trung Quốc và Thái Lan có thể tăng khiến xuất khẩu xi măng của Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh nhiều hơn. Vấn đề này được xem là thách thức lớn nhất đối với ngành xi măng nói chung và cho các đơn vị sản xuất kinh doanh xi măng trong Tổng công ty Xi măng Việt Nam nói riêng.

3. Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào

Ngoài yếu tố thời tiết, một nguyên nhân quan trọng khác làm ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ xi măng trong nước đến từ yếu tố nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên liệu chính làm nên xi măng gồm đá vôi, đá sét, đất giàu sắt, đất giàu silic; nhiên liệu chính gồm than, dầu, điện; kết hợp với các phụ gia như bazoan, thạch cao... trong quá trình sản xuất để tạo nên thành phẩm.

Xét về nhiên liệu, bình quân mỗi tấn xi măng sản xuất phải sử dụng 80 kwh điện, chi phí điện chiếm khoảng 15% giá thành. Giá xăng dầu, giá gas biến động theo tình hình thị trường thế giới dẫn đến chỉ số giá nhóm ngành giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng cũng biến động cùng chiều làm ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản. Điều này dẫn đến sản lượng tiêu thụ xi măng cũng biến động không ngừng. Vì vậy, giá nhiên liệu từ lâu đã trở thành mối quan tâm tại từng thời điểm trong năm của ngành sản xuất xi măng.

Giá nguyên, nhiên vật liệu năm 2019 có xu hướng tăng, đặc biệt chi phí năng lượng tăng gây ra khó khăn cho ngành xi măng, giá điện tăng thêm 8,36% kể từ ngày 20/3/2019, theo đó, giá điện bình quân tăng từ 1.720 đồng/kwh lên 1.850 đồng/kwh. Giá điện tăng tác động mạnh đến chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm của clinker và xi măng.

Để hạn chế rủi ro này, trong hoạt động sản xuất Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các Bộ định mức vật tư tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng tổng thể Nhà máy theo định kỳ nhằm duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả và đảm bảo tuổi thọ của máy móc thiết bị.



4. Rủi ro biến động lãi suất

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Theo dự báo, kinh tế Việt Nam sẽ lạm phát cao do chi phí y tế, giáo dục tăng.

Hiện nay, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp.

5. Rủi ro khác

Ngoài ra, Vicem Hoàng Mai đã tổ chức triển khai lập báo cáo quản trị theo tuần/tháng phục vụ Ban lãnh đạo ra quyết định điều hành kinh doanh. Chủ động lập kế hoạch tài chính, bao gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm.

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, dịch bệnh, bão lớn, mưa kéo dài v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã tiến hành tham gia mua bảo hiểm cho tài sản mà Công ty đang khai thác, sử dụng.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



1. PHÁT TRIỂN CÁC GIÁ TRỊ BỀN VỮNG QUỐC GIA
2. TUYÊN BỐ HÀ NỘI
3. VICEM HOÀNG MAI 2019 - HÀNH ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
4. HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ VÀ THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
5. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

“

Mục tiêu Phát triển Bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs) là một bộ 17 mục tiêu phổ quát mà các nước thành viên Liên Hiệp Quốc áp dụng vào chương trình nghị sự và chính trị đến năm 2030 sau khi Các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (Millennium Development Goals - MDGs) hết hạn vào cuối năm 2019. Đây là định hướng chiến lược cho giai đoạn mới đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế toàn cầu, nhằm khuyến khích các quốc gia trên thế giới cùng tham gia tạo nên một thế giới năng động, phát triển hài hòa và bền vững trong dài hạn.



“

Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 thông qua 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững quốc gia đến năm 2030.

“ CÔNG NGHỆ

Không phát thải - Tuần hoàn tự nhiên



Thực hiện theo kế hoạch hành động quốc gia, sau quá trình nghiên cứu độc lập và hợp tác, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam - Công ty mẹ của Vicem Hoàng Mai và FLSmidth - nhà cung cấp hàng đầu thế giới về công nghệ bền vững thống nhất cùng nghiên cứu, phát triển, phát minh công nghệ sản xuất xi măng thế hệ mới làm thay đổi căn bản công nghệ hiện nay. Đó là công nghệ không phát thải - tuần hoàn tự nhiên. Các bên đã đặt ra 5 mục tiêu để cùng thực hiện như sau:

- ▶ Nghiên cứu các phát kiến mới nhằm thay đổi, thay thế cơ cấu sử dụng nguyên liệu tiến tới sử dụng không đáng kể nguyên liệu, tài nguyên hóa thạch không tái tạo.
- ▶ Nghiên cứu các giải pháp đột phá để giảm tuyệt đối khí thải gây ô nhiễm môi trường, tiến tới phát thải bằng không (Zero Emission - không phát thải). Thiết lập chu trình thu hồi tuần hoàn khí thải có ích để duy trì quy luật cân bằng tự nhiên.
- ▶ Phát triển công nghệ sản xuất mới nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng nhiệt, thu hồi triệt để nhiệt không hữu ích, điều tiết và tuần hoàn năng lượng trong nhà máy, đồng thời sử dụng các chất thải, phế thải sinh nhiệt để tiến tới thay thế hoàn toàn nhiên liệu hóa thạch.
- ▶ Nghiên cứu giảm triệt để tổn thất điện năng và phát điện tự dùng cho nhà máy từ nguồn nhiệt thu hồi tuần hoàn, tạo ra năng lượng sạch từ các nguồn rác thải, chất thải của xã hội. Nghiên cứu công nghệ phát điện mới để gia tăng hiệu suất phát điện, tiến tới cung ứng điện cho xã hội.



- ▶ Phát triển hệ thống quản lý thông minh và tuần hoàn tái tạo năng lượng tự nhiên. Nghiên cứu tiêu chuẩn hóa hệ thống chuỗi giá trị để tận dụng tối đa chất thải của các ngành công nghiệp và các ngành kinh tế khác, cùng các chất thải trong hoạt động hàng ngày của xã hội để tạo ra các nguyên liệu, nhiên liệu thay thế, vừa đảm bảo làm sạch môi trường, vừa tuân theo quy luật tuần hoàn tự nhiên, tuần hoàn sống để ngành xi măng trở thành ngành kinh tế tổng hợp phát triển xanh, bền vững.

Tổng Công ty Xi măng Việt Nam là đơn vị đầu tiên được FLSmidth chọn để hợp tác thực hiện chương trình không phát thải - tuần hoàn tự nhiên. Ước tính đến năm 2030 có thể giảm phát thải CO2 khoảng 70% trên mỗi kg xi măng sản xuất ra bằng cách tận dụng những cơ hội từ công nghệ đột phá hiện có, từ các dự án cải tiến đổi mới và các nghiên cứu phát kiến mới. Ngoài ra, việc sử dụng nguồn chất thải đô thị và các chất thải khác làm nguồn nhiên liệu thay thế sẽ giúp ngăn ngừa ô nhiễm không khí từ việc đốt chất thải, trong khi việc quản lý chất thải đang là mối quan tâm ngày càng tăng ở Việt Nam.

VICEM HOÀNG MAI 2019 - HÀNH ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bám sát với các mục tiêu của Kế hoạch hành động quốc gia 2030 và tầm nhìn của VICEM, Vicem Hoàng Mai đã lựa chọn các ưu tiên trong kế hoạch hành động 2019 cho mục tiêu phát triển bền vững tập trung vào các nội dung chính sau:



Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi.



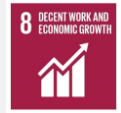
Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững



Đảm bảo tính sẵn có và quản lý bền vững nước và vệ sinh cho mọi người



Hành động khẩn cấp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và những tác động của biến đổi khí hậu



Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, có sự tham gia và được duy trì liên tục, việc làm đầy đủ và năng suất, việc làm bền vững cho tất cả mọi người



Bảo vệ, khôi phục và tăng cường sử dụng bền vững hệ sinh thái trái đất, quản lý rừng bền vững, đấu tranh chống lại việc chặt phá rừng, ngăn chặn và phục hồi sự suy giảm đất và ngăn chặn quá trình suy thoái đa dạng sinh học

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

MỤC TIÊU

Kiểm soát mức độ ô nhiễm môi trường trong phạm vi cho phép đối với người dân xung quanh và khu đô thị gần nhà máy.

Sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO2 thải ra bên ngoài.

Giảm sự phát tán bụi công nghiệp ra môi trường.

Đảm bảo kết quả giám sát chất lượng môi trường của các nhà máy, tòa nhà văn phòng và các công trình, đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.

Áp dụng tuân thủ và thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường - Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, ISO 14001-2015.

HÀNH ĐỘNG

Lập kế hoạch quản lý môi trường phù hợp, thường xuyên chuẩn bị kế hoạch ứng phó các tác động tiêu cực và liên tục đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường.

Đầu tư xây dựng và lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động nhằm xác định chính xác lưu lượng dòng thải, nồng độ các tác nhân ô nhiễm đồng thời xác định phạm vi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy.

Đầu tư 18 tỷ thực hiện cải tạo, chuyển đổi hệ thống lọc bụi tĩnh điện công đoạn nghiền xi măng, chuyển sang hệ thống lọc bụi túi; sau khi cải tạo, chuyển đổi, bụi phát thải tại công đoạn nghiền xi măng giảm từ 80 mg/Nm3 khí xuống chỉ còn dưới 30 mg/Nm3 khí, đảm bảo các yêu cầu khắt khe về môi trường.

Hoàn thiện các hạng mục cho công tác phân loại, xử lý và đốt rác thải cho nhà máy. Năm 2019, thực hiện chủ trương đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ thạch cao và các sản phẩm phế thải công nghiệp khác của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất... với mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm sử dụng tài nguyên khoáng sản, Công ty đã triển khai thử nghiệm và đưa vào sản xuất xi măng có hiệu quả các loại tro, xỉ từ các nhà máy gang thép, nhiệt điện và hiện nay công ty đang tiến hành chạy thử nghiệm bùn thải lấy từ Nhà máy gang thép để thay thế một phần đá sét trong sản xuất bột liêu.



MỤC TIÊU

Đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động đạt tiêu chuẩn sức khỏe, xanh, sạch, đẹp.

Thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, khám sức khỏe định kỳ đầy đủ cho người lao động.

100% người lao động được mua bảo hiểm thân thể.

100% được tham gia đào tạo đúng chuyên môn công tác, được huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, được ký kết hợp đồng lao động đúng quy định.

100% cán bộ nhân viên được tham gia các tổ chức chính trị, xã hội, tham quan du lịch học tập kinh nghiệm, giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

Hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, ổn định, tăng đóng góp vào ngân sách Nhà nước

Tạo ra việc làm ổn định và hiệu quả cho người lao động.

HÀNH ĐỘNG

Mức tiền lương bình quân năm 2019 tăng hơn so với năm 2018 khoảng 8% đạt mức 11 triệu đồng/người.

Tổ chức 51 khóa đào tạo các lĩnh vực quản lý, tài chính, kinh tế, kỹ thuật, cụ thể như: khóa đào tạo cao cấp lý luận chính trị; khóa đào tạo về kế toán viên, kiểm toán viên và nâng cao nghiệp vụ kiểm toán viên; nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ cấp trung; đào tạo về quản trị sản xuất; đào tạo kỹ năng quản lý công việc hiệu quả và kỹ năng khích lệ tạo động lực, tăng hiệu suất công việc của nhân viên cho cán bộ quản lý; đào tạo về quản trị doanh nghiệp trong cách mạng CN 4.0; tổ chức các lớp tập huấn quản trị hiệu quả rủi ro gian lận thuế và báo cáo tài chính; tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy; bồi dưỡng quản trị doanh nghiệp... Tổng số người được đào tạo năm 2019 là trên 1.360 lượt người với tổng giá trị đào tạo đạt 2,2 tỷ đồng.

Thường xuyên thăm hỏi động viên kịp thời cán bộ nhân viên gặp khó khăn, hoạn nạn; thực hiện việc hỗ trợ, giúp đỡ cho các gia đình người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Đóng góp vào Ngân sách Nhà nước năm 2019 đạt 32,4 tỷ đồng.

Tổ chức lại bộ máy, định biên, bố trí, sắp xếp lại lao động hợp lý. Ban hành mới quy chế tiền lương phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh đồng thời đảm bảo tính công bằng cho cán bộ nhân viên, thúc đẩy tăng năng suất lao động.



HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ VÀ THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện các cam kết của báo cáo đánh giá tác động môi trường qua quá trình thực hiện, Công ty đã được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Nghệ An xác nhận đã lắp đặt các hệ thống xử lý môi trường phù hợp với ĐTM, thực hiện nghiêm túc các hoạt động bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt ĐTM.

KIỂM SOÁT KHÍ THẢI, BỤI

Khí thải của nhà máy chủ yếu phát sinh từ các công đoạn nung Clinker được thải ra ống khói chính cao 110m. Khí thải từ các công đoạn sản xuất của nhà máy trước khi thải ra môi trường qua các ống khói trên được xử lý qua hệ thống lắng lọc cyclon và 03 hệ thống lọc bụi tĩnh điện và 01 hệ thống lọc bụi túi (thiết bị lọc bụi bằng phương pháp này có hiệu suất lọc bụi đạt 99,99%) nên không gây tác động đáng kể đến môi trường không khí xung quanh.

Công ty đã tiến hành lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An nên các thông số phát thải được kiểm soát và luôn đảm bảo các Quy chuẩn của nhà nước.

Các khu vực khác như: Khoan nổ mìn, vận tải bằng ô tô trên mỏ, trên đường nội bộ nhà máy được lấn lu, tưới nước; các cửa đổ của trạm đập đá vôi, sét, thạch cao, bazan, kho chứa nguyên nhiên liệu đều được lắp đặt các lọc bụi túi; tuyến băng tải tiếp nhận nguyên nhiên liệu đầu vào, vận chuyển Clinker có nắp đậy bằng tôn.

Vào những ngày nắng nóng, hanh khô, các tuyến đường, bãi có nguy cơ phát tán bụi được tưới nước thường xuyên nhằm hạn chế bụi phát tán ra các khu dân cư xung quanh.

Trồng 16,7 ha cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn bụi lan ra ngoài nhà máy và cải thiện điều kiện vi khí hậu.

KIỂM SOÁT NƯỚC THẢI

Nước sử dụng trong nhà máy được khai thác từ các giếng khoan của Công ty theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 2490/GP-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Lượng nước sử dụng trung bình là 3167m³/ngày/đêm (bao gồm lượng nước thất thoát từ khai thác vận chuyển về nhà máy). Lượng nước này dùng để làm mát thiết bị, khí thải, nguyên liệu, sản phẩm... và sinh hoạt.

Nước sản xuất một phần bị bay hơi trong quá trình làm mát thiết bị, khí thải, nguyên liệu, sản phẩm...phần còn lại được tái sử dụng hoàn toàn không thải ra môi trường ngoài.

Nước thải ra môi trường trung bình 25 m³/ngày/đêm, chủ yếu là nước sinh hoạt của người lao động trong Công ty. Nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường ngoài được thu gom về các bể phốt sau đó lắng lọc và được xử lý bằng phương pháp vi sinh tại hồ chứa nước thải của Nhà máy sau đó mới thải ra sông Sác - xã Quỳnh Vinh - thị xã Hoàng Mai - Tỉnh Nghệ An theo giấy phép xả thải (không thải ra đồng ruộng). Nước thải ra luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B), Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An cấp giấy phép xả thải số 66/GP-STNMT.NBHD ngày 11 tháng 11 năm 2016.

KIỂM SOÁT CHẤT THẢI

Rác thải sinh hoạt (chất hữu cơ, giấy, túi nilong, bao gói, cành cây, rác thải quét dọn sân bãi...) phát sinh khoảng 63.600kg/năm được Công ty CP Đầu tư và Phát triển Môi trường Đô thị Hoàng Mai thu gom và xử lý theo quy định.

Rác thải công nghiệp thông thường (đất cát rơi vãi, clinker hỏng...) phát sinh khoảng 268.000kg/năm, loại chất thải này chủ yếu được tái sử dụng lại và một phần rất ít chôn lấp tại bãi chôn lấp chất thải của Công ty - Dự án xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn của nhà máy xi măng đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 1810/QĐ.UB ngày 31/8/2004.

Các loại chất thải nguy hại (dầu thải, thùng phuy dính dầu, dè lau dính dầu, chai đựng hóa chất, chai dính dầu, lọc dầu các loại xe máy, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang hỏng, rác thải y tế) phát sinh trung bình khoảng 31.704 kg/năm được Công ty tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, xác định khối lượng và đưa về các kho lưu trữ chất thải nguy hại tập trung của Công ty.

Đối với các loại chất thải (dầu thải, dè lau dính dầu, chai đựng hóa chất, chai dính dầu) được xử lý bằng phương pháp thiêu hủy tại lò nung clinker; Công ty được Tổng cục Môi trường chấp thuận cho tự xử lý các loại chất thải nêu trên tại Văn bản số 92/TCMT-TĐ ngày 24/1/2014 của Tổng cục môi trường "về việc thay đổi biện pháp xử lý chất thải nguy hại".

Đối với các loại chất thải nguy hại không được xử lý (thùng phuy dính dầu, lọc dầu các loại xe máy, tuy ô thải, đất cát thấm dầu, bao bì cứng bằng nhựa thải, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang hỏng, rác thải y tế) Công ty thuê đơn vị có đủ chức năng để xử lý.

Công ty được Sở Tài nguyên và môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 40.000291.Tx, cấp lại lần thứ 7 ngày 22/4/2014.



HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ VÀ THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TỪ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CHẾ ĐỘ QUAN TRẮC, GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

Thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt, hàng năm Công ty luôn thực hiện quan trắc, giám sát môi trường theo các quy định của ĐTM và các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Quan trắc môi trường không khí trong nhà máy 02 lần/năm; các thông số giám sát: Bụi lơ lửng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn.
- Quan trắc môi trường khí thải công nghiệp xi măng 4 lần/năm; các thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, O₂.
- Quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt khu vực mỏ 2 lần/năm; các thông số giám sát gồm 15 chỉ tiêu: pH, DO, TSS, TDS, S₂⁻, NH₄⁺, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, NO₃⁻, PO₄³⁻, COD, BOD₅ và Coliform.

- Quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt nhà máy 4 lần/năm; các thông số giám sát gồm 10 chỉ tiêu: pH, DO, TSS, tổng dầu mỡ, NO₃⁻, PO₄³⁻, Amoni, COD, BOD₅ và Coliform.
- Quan trắc môi trường nước mặt 2 lần/năm; các thông số giám sát gồm 10 chỉ tiêu: pH, DO, TSS, tổng dầu mỡ, NO₃⁻, PO₄³⁻, Amoni, COD, BOD₅ và Coliform.
- Quan trắc độ rung 2 lần/năm: 02 mẫu.
- Quan trắc khí thải khí đồng xử lý CTNH trong lò nung Clinker.

Qua kết quả quan trắc, khảo sát trong những năm vừa qua cho thấy các chỉ tiêu môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép, chất lượng môi trường tại khu vực khai thác mỏ và xung quanh nhà máy đều đảm bảo, hàm lượng bụi, khí thải đều nằm trong giới hạn của các tiêu chuẩn đã ban hành và không có nhiều biến động giữa các đợt quan trắc.



KIỂM SOÁT KHÍ TIẾNG ỒN, RUNG

Lắp đặt lò xo, cao su giảm chấn nhằm chống rung, ồn.

Lắp đặt đệm chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

Dùng các vật liệu cách âm cũng như hút âm để kiểm soát tiếng ồn.

Trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

Trồng nhiều cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn bụi và tiếng ồn phát tán ra ngoài nhà máy.

TRÁCH NHIỆM TÀI CHÍNH VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Công ty đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hằng năm theo yêu cầu của Chi cục bảo vệ môi trường Nghệ An.

Công ty đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo các Văn bản thông báo của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An và Bộ Tài nguyên môi trường.

Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường Vicem Hoàng Mai đã nộp đến 31/12/2019 là hơn 10 tỷ đồng.





Với quan điểm và phương châm phát triển bền vững, Công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều biến động, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Vì một tương lai bền vững

Một trong 17 mục tiêu của phát triển bền vững là để đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi, đồng thời phát triển bền vững cũng hướng đến những lợi ích chung cho tất cả cộng đồng. Nhận thức rõ rệt những giá trị nêu trên, Ban điều hành Công ty luôn bám sát, chỉ đạo và định hướng các hoạt động của Công ty hướng đến Trách nhiệm vì xã hội, vì cộng đồng có hiệu quả bằng những hành động thiết thực với các bên hữu quan. Cụ thể:

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công đoàn tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời đoàn viên công đoàn gặp khó khăn, hoạn nạn; thực hiện việc hỗ trợ, giúp đỡ cho 24 đoàn viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp tết nguyên đán Kỷ Hợi 2019 với số tiền trợ cấp là 45 triệu đồng; Công đoàn Công ty đã đề nghị Ban thường vụ Công đoàn Tổng công ty Xi măng Việt Nam hỗ trợ chi trợ cấp khó khăn cho 30 đoàn viên công đoàn của Công ty có hoàn cảnh khó khăn với mức 500.000 đồng/người;

Phối hợp với chuyên môn tổ chức tốt đời sống cho người lao động về vật chất và tinh thần nhân dịp Tết nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019;

Tổ chức thăm và tặng quà cho người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các gia đình người lao động bị mất do tai nạn lao động nhân dịp Tết nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019;

Phối hợp với chuyên môn, mua bảo hiểm thân thể cho 100% cán bộ công nhân lao động;

Chỉ đạo Công đoàn các đơn vị thực hiện tốt công tác thăm hỏi, động viên đến người lao động thông qua Quy chế hiếu hỷ, trợ cấp khó khăn;

Tổ chức thăm quan du lịch tại Huế - Đã Nẵng cho 110 cán bộ, công nhân lao động có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất;

Tổ chức chúc mừng, động viên các thầy, cô giáo trên địa bàn thị xã Hoàng Mai nhân dịp khai giảng năm học 2019-2020 và ngày nhà giáo Việt Nam 20/11;

Tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con cán bộ công nhân lao động trong toàn Công ty nhân dịp 1/6;

Tổ chức vui Tết Trung thu và tặng quà cho hơn 1000 cháu thiếu niên, nhi đồng là con cán bộ công nhân lao động Công ty;

Vận động người lao động Công ty ủng hộ cho gia đình đồng chí Nguyễn Hữu Kỳ và đồng chí Lê Việt Hậu thuộc Xi nghiệp Dịch vụ công nghiệp với số tiền: 226.390.000 đồng;

Nuôi dưỡng 4 cháu là con đồng chí Nguyễn Hữu Kỳ và đồng chí Lê Việt Hậu xí nghiệp DVCN đến năm các cháu 18 tuổi: 300.000 đồng/cháu/tháng;

Thăm hỏi, động viên và trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động bị ốm đau lâu dài và gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;



ĐỐI VỚI CÁC BÊN HỮU QUAN

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Ban Lãnh đạo Công ty đã phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty tổ chức phát động các phong trào tương trợ giúp nhau vượt qua khó khăn và tham gia công tác an sinh xã hội như lập quỹ tình thương đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt; ủng hộ quỹ khuyến học khuyến tài, hưởng ứng chương trình nông thôn mới, gia đình chính sách, nhận phụng dưỡng bà mẹ liệt sỹ... Công ty luôn đặc biệt quan tâm đến công tác từ thiện, nhân đạo, công tác an sinh xã hội vì cộng đồng. Cụ thể, phối hợp với Đảng uỷ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên công ty, Xi nghiệp tiêu thụ tổ chức từ thiện nhân đạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận như sau:

- Phối hợp Đoàn thanh niên Công ty tổ chức chương trình ngày hội hiến máu tình nguyện Vicem lần thứ 9 năm 2019;
- Thăm hỏi và tặng quà cho 02 Mẹ Việt Nam anh hùng và 03 cháu mồ côi do Công ty nhận phụng dưỡng, trợ cấp nhân dịp Tết nguyên đán năm 2020;
- Ủng hộ Tết "Vì người nghèo" trên địa bàn tỉnh Nghệ An với số tiền 200 triệu đồng;
- Hỗ trợ trên 200 tấn xi măng cho các đơn vị và địa phương nâng cấp cơ sở hạ tầng và đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An tạo sự gắn kết tốt giữa Công ty và chính quyền địa phương;
- Ủng hộ 3 ngày lương để xây dựng nhà truyền thống Xi măng tại Hải phòng và một số công tác an sinh xã hội do Tổng công ty phát động;

- Tặng quà với giá trị trên 100 triệu đồng cho các người khuyết tật & trẻ mồ côi; Gia đình chính sách; quỹ Đền ơn đáp nghĩa và các phong trào VHVN-TDĐT trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các công trình phúc lợi khác.

- Tặng quà cho 25 gia đình chính sách có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại 5 huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An; thăm hỏi Mẹ Việt Nam Anh hùng do công ty phụng dưỡng và các gia đình người lao động có bố là liệt sỹ nhân dịp kỷ niệm 72 năm ngày thương binh, liệt sỹ.

Với sự tận tâm và hỗ trợ thiết thực, kịp thời, Vicem Hoàng Mai cam kết sẽ luôn song hành giữa sản xuất kinh doanh và thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



1. THÔNG TIN CHUNG
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
4. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Khố 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Trần Đức Danh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên
Ông Trần Việt Hồng	Thành viên
Ông Lê Trung Kiên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Việt Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 01/12/2019
Ông Đặng Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 25/07/2019
Ông Lê Quý Thạch	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 01/12/2019
Ông Lê Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 26/07/2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Thái Huy Chương	Thành viên
Ông Cao Trọng Nghiênn	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Việt, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trong yếu tố so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:
Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam
Ngày 9 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”) được lập ngày 9 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Trinh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		537.780.692.996	613.432.014.753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	39.853.982.745	129.160.069.556
1. Tiền	111		39.853.982.745	129.160.069.556
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		199.380.441.610	199.658.250.843
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	146.133.037.738	168.469.465.020
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	1.620.074.723	4.432.814.767
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	55.782.501.411	31.526.931.520
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.1,6	(4.155.172.262)	(4.770.960.464)
III. Hàng tồn kho	140	8	273.596.291.775	256.666.768.994
1. Hàng tồn kho	141		274.782.982.201	257.859.099.387
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.186.690.426)	(1.192.330.393)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.949.976.866	27.946.925.360
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	23.788.451.809	18.625.155.222
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.161.525.057	9.321.770.138
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		992.261.331.141	1.067.494.759.622
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.292.107.957	5.648.195.221
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	10.292.107.957	5.648.195.221
II. Tài sản cố định	220		727.297.211.101	768.900.115.942
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	726.480.134.497	768.352.194.420
- Nguyên giá	222		2.985.099.287.045	2.894.729.827.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.258.619.152.548)	(2.126.377.633.293)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	817.076.604	547.921.522
- Nguyên giá	228		2.518.923.370	2.168.923.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.701.846.766)	(1.621.001.848)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.128.766.530	89.062.600.449
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	48.128.766.530	89.062.600.449
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.000.000.000	12.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	13	12.000.000.000	12.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		194.543.245.553	191.883.848.010
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	69.842.184.454	62.478.415.381
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	124.701.061.099	129.405.432.629
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.530.042.024.137	1.680.926.774.375

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		576.775.631.040	740.843.760.519
I. Nợ ngắn hạn	310		532.670.306.521	702.246.644.183
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.1	230.703.830.081	334.091.780.926
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.2	6.414.217.852	1.245.371.099
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	28.153.591.797	15.453.741.484
4. Phải trả người lao động	314		29.370.370.493	25.166.942.194
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.835.611.367	18.091.972.343
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.037.726.948	18.141.206.954
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	227.630.057.983	286.704.146.040
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	524.900.000	3.351.483.143
II. Nợ dài hạn	330		44.105.324.519	38.597.116.336
1. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	341	28.3	41.123.414.721	37.010.971.034
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	2.981.909.798	1.586.145.302
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	953.266.393.097	940.083.013.856
I. Vốn chủ sở hữu	410		953.266.393.097	940.083.013.856
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		720.000.000.000	720.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		720.000.000.000	720.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.138.086.811	19.138.086.811
3. Cổ phiếu quỹ	415		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		208.210.192.057	208.210.192.057
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.117.576.691	20.934.197.450
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.592.973.701	1.874.651.152
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		20.524.602.990	19.059.546.298
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.530.042.024.137	1.680.926.774.375



Trần Văn Đức
Người lập



Đặng Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22.1	1.668.965.663.566	1.734.375.639.478
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22.1	(16.256.407.541)	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22.1	1.652.709.256.025	1.734.375.639.478
4. Giá vốn hàng bán	11	23	(1.468.983.750.732)	(1.524.899.638.375)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		183.725.505.293	209.476.001.103
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.2	1.337.532.904	1.137.953.465
7. Chi phí tài chính	22	24	(22.696.622.632)	(19.914.348.170)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(22.372.717.528)	(19.880.386.365)
8. Chi phí bán hàng	25	25	(65.231.256.035)	(99.909.301.696)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	(74.965.303.255)	(71.160.918.603)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.169.856.275	19.629.386.099
11. Thu nhập khác	31	26	3.123.560.401	3.863.005.885
12. Chi phí khác	32	26	(656.369.999)	(300.000.000)
13. Lợi nhuận khác	40		2.467.190.402	3.563.005.885
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.637.046.677	23.192.391.984
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28.1	-	(20.402.000)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28.3	(4.112.443.687)	(4.112.443.686)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.524.602.990	19.059.546.298
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30		
- Lãi cơ bản			296	169
- Lãi suy giảm			296	169

Trần Văn Đức
Người lập

Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 9 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.637.046.677	23.192.391.984
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	136.604.513.536	134.700.378.270
- Các khoản dự phòng	03	4.374.283.861	928.809.808
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(383.683)	(300.588)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.528.567.368)	(1.440.977.816)
- Chi phí lãi vay	06	22.372.717.528	19.880.386.365
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	186.459.610.551	177.260.688.023
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.001.574.946	(21.439.267.983)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(12.219.511.284)	(9.500.064.734)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(114.215.803.050)	81.443.627.385
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(12.527.065.660)	(9.631.947.800)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.459.741.991)	(19.902.426.345)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(20.402.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.000.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.167.806.892)	(9.952.761.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.871.256.620	188.257.445.546
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(47.558.433.069)	(42.589.389.589)
2. Tiền thu từ TL, NB TSCĐ và các TSDH khác	22	454.545.455	307.272.728
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.000.248.557	975.920.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(46.103.639.057)	(41.306.196.473)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.484.814.461.232	1.266.203.110.021
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.543.888.549.289)	(1.338.696.723.718)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(18.564.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(59.074.088.057)	(72.512.178.197)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(89.306.470.494)	74.439.070.876
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	129.160.069.556	54.720.698.092
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái auv đổi	61	383.683	300.588
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	39.853.982.745	129.160.069.556

Trần Văn Đức
Người lập

Đậu Thị Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 9 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Khố 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 858 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 867 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và vật tư thu hồi và phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế. - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu bán thành phẩm, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	4 - 11 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lợi của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.317.673.975	643.859.175
Tiền gửi ngân hàng	38.536.308.770	128.516.210.381
Cộng	39.853.982.745	129.160.069.556

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	139.034.772.059	144.277.183.362
- Công ty TNHH XNK&DV TM An Việt Nam	35.801.643.580	-
- Sở Tài chính Nghệ An (*)	24.573.923.952	35.049.749.991
- Công ty TNHH Trường An	19.511.284.800	13.833.321.436
- Công ty TNHH MTV DV&TM Dũng Trâm	11.934.988.979	2.476.397.981
- Công ty TNHH Thành Luân	10.766.401.962	24.914.553.018
- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Miền Trung	3.151.236.412	5.340.593.373
- Công ty Cổ phần Xi măng Việt HP	-	21.902.457.212
- Các khách hàng khác	33.295.292.374	40.760.110.351
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	7.098.265.679	24.192.281.658
Cộng	146.133.037.738	168.469.465.020
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.800.172.262)	(1.171.012.930)

(*) Đây là khoản công nợ phải thu Sở Tài chính tỉnh Nghệ An đối với hoạt động cung ứng xi măng cho Dự án giao thông nông thôn và phát sinh trong các năm 2016 và 2017. Do Sở Tài chính Nghệ An chưa thể thu xếp nguồn kinh phí ngân sách để trả nợ Công ty đúng thời hạn hợp đồng, Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An và Cục thuế tỉnh Nghệ An đã có văn bản cho phép Công ty được nợ các khoản thuế tương ứng với khoản nợ phải thu mà Sở Tài chính tỉnh Nghệ An chưa thanh toán đúng hạn cho Công ty.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Liên đoàn địa chất Bắc Trung Bộ	489.035.665	-
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	-	2.728.581.125
Công ty Cổ phần Thủy Lực	-	843.810.000
Trả trước cho nhà cung cấp khác	1.131.039.058	860.423.642
Cộng	1.620.074.723	4.432.814.767

6. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng (Trình bày lại)
Ngắn hạn				
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị xi măng Hoàng Mai (*)	29.309.704.000	-	3.299.389.000	-
Chi phí đã phát sinh cho dự án Khu Đô thị Vicem Hoàng Mai	-	-	6.172.086.734	3.599.947.534
Chi hộ dự án đường tránh ngã 3 Đồng Lộc (**)	11.345.320.726	-	17.851.086.262	-
Chi phí chi hộ Công ty TNHH XNK và DV TM Việt Nam	3.349.751.965	-	-	-
Hỗ trợ người lao động và công tác an sinh xã hội	3.337.587.653	-	-	-
Các khoản tạm ứng	5.938.163.095	-	2.728.122.990	-
Cho vay	355.000.000	355.000.000	355.000.000	-
Tiền lãi phải thu	415.501.000	-	223.908.300	-
Các khoản phải thu khác	1.731.472.972	-	897.338.234	-
Cộng	55.782.501.411	355.000.000	31.526.931.520	3.599.947.534
Dài hạn				
Đặt cọc ký cược ký quỹ	10.292.107.957	-	5.648.195.221	-
Cộng	10.292.107.957	-	5.648.195.221	-
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác	65.562.743.339	355.000.000	37.024.886.728	3.599.947.534
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	511.866.029	-	150.240.013	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

(*) Đây là khoản tiền bồi thường chi phí giải phóng mặt bằng cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban Nhân dân thị xã Hoàng Mai để thực hiện dự án Khu Đô thị Xi măng Hoàng Mai tại xã Quỳnh Vinh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang triển khai các bước để chuyển nhượng Dự án này căn cứ theo các quyết định của Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và Hội đồng Quản trị Công ty.

(**) Theo Quyết định số 709/VICEM-TGD-CD ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Vicem") về việc kêu gọi các đơn vị thành viên tham gia hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường tránh đoạn qua Khu Di tích lịch sử ngã ba Đồng Lộc và giao cho Công ty thay mặt Vicem thực hiện dự án này, Công ty đã ứng trước chi phí thực hiện dự án và các khoản chi phí này sẽ được hoàn trả bởi các đơn vị thành viên trong Vicem.

7. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi
Ngắn hạn				
Dự án Đô thị Xi măng Hoàng Mai	-	-	3.599.947.534	-
Công ty Cổ phần Xi măng Puzolan	2.658.439.332	-	-	-
Khác	1.496.732.930	-	1.171.012.930	-
Cộng	4.155.172.262	-	4.770.960.464	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Nguyên liệu, vật liệu	78.093.897.880	(113.872.040)	93.060.060.571	(114.253.190)
Vật tư phụ tùng, công cụ, dụng cụ	61.642.469.746	(1.072.818.386)	46.114.177.652	(1.078.077.203)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	107.761.122.266	-	84.213.428.916	-
Thành phẩm	27.285.492.309	-	34.471.432.248	-
Cộng	274.782.982.201	(1.186.690.426)	257.859.099.387	(1.192.330.393)
Dài hạn				
Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế	124.701.061.099	-	129.405.432.629	-
Cộng	124.701.061.099	-	129.405.432.629	-

Một phần giá trị hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 18.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số đầu năm	1.192.330.393	1.284.345.983
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.639.967)	(92.015.590)
Số cuối năm	1.186.690.426	1.192.330.393

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa phân bổ (*)	15.741.967.998	12.725.253.175
Chi phí gạch chịu lửa và phụ kiện (*)	5.851.710.820	3.240.389.278
Chi phí tiêu hao tấm lót và bi đạn (*)	1.304.666.665	1.548.424.998
Chi phí sửa chữa nhà cửa kiến trúc	-	318.297.501
Phí bảo hiểm	890.106.326	792.790.270
Cộng	23.788.451.809	18.625.155.222
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa phân bổ (*)	39.202.293.615	44.782.330.600
Chi phí gạch chịu lửa và phụ kiện (*)	12.295.918.425	7.584.596.243
Chi phí tiêu hao tấm lót và bi đạn (*)	8.451.334.596	2.927.525.116
Chi phí sửa chữa nhà cửa kiến trúc	7.399.870.738	5.700.958.700
Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất mỏ đá vôi (Hoàng Mai B)	2.492.767.080	-
Chi phí sửa chữa lớn đường vào nhà máy	-	1.483.004.722
Cộng	69.842.184.454	62.478.415.381

(*) Chủ yếu là chi phí thay thế phụ tùng, vật tư phát sinh và được phân bổ vào giá thành sản xuất dựa trên tuổi thọ kỹ thuật của vật tư, phụ tùng sử dụng và thời gian dự kiến thay thế lần kế tiếp. Công ty đã thực hiện phân bổ các chi phí vật tư, thiết bị, phụ tùng xuất dùng cho sửa chữa lớn kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ					Tổng cộng
Số đầu năm	755.378.808.998	2.086.616.060.243	40.374.340.696	12.360.617.776	2.894.729.827.713
Mua trong năm	-	10.792.175.536	2.127.278.727	468.930.000	13.388.384.263
Đầu tư XD/CB hoàn thành	55.290.399.363	26.101.042.808	-	-	81.391.442.171
Thanh lý, nhượng bán	(479.657.014)	(3.930.710.088)	-	-	(4.410.367.102)
Số cuối năm	810.189.551.347	2.119.578.568.499	42.501.619.423	12.829.547.776	2.985.099.287.045
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	91.629.282.342	90.291.930.592	23.507.954.846	2.860.066.230	208.289.234.010
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	362.738.016.101	1.722.852.569.393	32.370.872.189	8.416.175.610	2.126.377.633.293
Khấu hao trong năm	28.665.227.053	103.526.464.540	2.212.209.789	2.119.767.236	136.523.668.618
Thanh lý, nhượng bán	(469.238.112)	(3.812.911.251)	-	-	(4.282.149.363)
Số cuối năm	390.934.005.042	1.822.566.122.682	34.583.081.978	10.535.942.846	2.258.619.152.548
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	392.640.792.897	363.763.490.850	8.003.468.507	3.944.442.166	768.352.194.420
Số cuối năm	419.255.546.305	297.012.445.817	7.918.537.445	2.293.604.930	726.480.134.497

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một phần nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 18).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	2.168.923.270
Mua trong năm	350.000.000
Số cuối năm	2.518.923.270
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	1.482.223.370

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số đầu năm	1.621.001.448
Khấu hao trong năm	80.844.918
Số cuối năm	1.701.846.366

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	547.921.822
Số cuối năm	817.076.904

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Dự án Hoàng Mai II (*)	23.840.847.476	23.840.847.476
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn 3	21.858.500.330	46.661.420.156
Hệ thống dây chuyền đóng bao	-	11.898.038.461
Mua sắm Tài sản cố định	1.145.980.000	5.376.777.250
Tổ hợp nhà thương mại Vinh	707.528.924	707.528.924
Khu nhà ở CBCNV Quỳnh Vinh	495.060.000	495.060.000
Khác	80.849.800	82.928.182
Cộng	48.128.766.530	89.062.600.449

(*) Đây là các khoản chi phí đầu tư ban đầu cho Dự án Xi măng Hoàng Mai II, chủ yếu là chi phí thăm dò mỏ. Dự án này bao gồm các hạng mục là (i) một trạm nghiền xi măng công suất 1.800.000 tấn xi măng/năm tại Khu Công nghiệp Đông Hội, thị xã Hoàng Mai, (ii) cảng Đông Hội, thị xã Hoàng Mai, và (iii) dây chuyền lò nung clinker công suất 6.000 tấn clinker/ngày tại xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Dự án này đang trong quá trình xin phê duyệt Giấy Chứng nhận Đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trái phiếu Ngân hàng	12.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn 10 năm, đáo hạn ngày 14 tháng 12 năm 2027 và hưởng lãi suất thả nổi bằng với lãi suất tham chiếu (trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng được niêm yết của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank) + 1,2%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm và gốc được thanh toán tại thời điểm đáo hạn. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được quyền mua lại trước hạn toàn bộ trái phiếu đã phát hành này với giá mua lại bằng mệnh giá tại thời điểm tròn 5 năm kể từ ngày phát hành.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	202.813.735.755	202.813.735.755	222.574.021.670	222.574.021.670
- Công ty TNHH Thương mại Thành Công	25.582.852.561	25.582.852.561	19.758.778.925	19.758.778.925
- Công ty Cổ phần Vicem Vật tư vận tải Xi	15.411.226.050	15.411.226.050	49.781.544.004	49.781.544.004
- Các nhà cung cấp	161.819.657.144	161.819.657.144	153.033.698.741	153.033.698.741
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	27.890.094.326	27.890.094.326	111.517.759.256	111.517.759.256
Cộng	230.703.830.081	230.703.830.081	334.091.780.926	334.091.780.926

14.2 Người mua trả tiền trước

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Hạ tầng Châu Âu	3.779.168.496	60.778.500
Các đối tượng khác	2.635.049.356	1.184.592.599
Cộng	6.414.217.852	1.245.371.099

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC CHỈ PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.127.559.465	11.934.080.637	10.125.031.224	3.936.608.878
Thuế thu nhập cá nhân	308.750.334	415.323.087	513.284.752	210.788.669
Thuế tài nguyên	3.800.786.125	15.433.080.168	7.177.663.545	12.056.202.748
Tiền thuế đất	2.176.849.001	4.353.698.000	2.176.849.000	4.353.698.001
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	5.016.046.751	2.409.435.805	5.718.898.631	1.706.583.925
Phí bảo vệ môi trường	2.023.749.808	7.559.028.466	3.693.068.698	5.889.709.576
Các loại thuế, phí khác	-	2.992.661.042	2.992.661.042	-
Cộng	15.453.741.484	45.097.307.205	32.397.456.892	28.153.591.797

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí nhân công sửa chữa lớn	1.776.264.100	-
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ, khuyến mại	458.700.000	5.874.423.991
Chi phí lãi vay phải trả	262.327.630	349.352.093
Chi phí tiền điện	61.766.418	54.332.244
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	-	8.891.589.243
Chi phí quảng cáo, hội nghị, giới thiệu sản phẩm	-	585.855.870
Chi phí phải trả khác	276.553.219	2.336.418.902
Cộng	2.835.611.367	18.091.972.343

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.038.955.150	2.041.784.150
Chi phí vận tải (*)	1.873.342.333	9.454.605.875
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	329.138.845	1.881.138.245
Phải trả chi phí đối tác đã phát sinh cho Dự án Đô thị Xi măng Hoàng Mai	-	2.572.139.200
Các khoản khác	2.796.290.620	2.191.539.484
Cộng	7.037.726.948	18.141.206.954

(*) Đây là chi phí vận tải phải trả cho Công ty TNHH Thành Luân liên quan đến dự án Giao thông nông thôn. Theo yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Nghệ An, khoản phải thu của Công ty TNHH Thành Luân đối với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An liên quan tới dịch vụ vận chuyển xi măng cung ứng cho Dự án giao thông nông thôn được chuyển giao cho Công ty để làm đầu mối thu nợ tập trung với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An (Thuyết minh số 5.1). Theo đó, Công ty sẽ thanh toán cho Công ty TNHH Thành Luân khi nhận được phần thanh toán tương ứng từ Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

18. VAY NGÂN HẠN

	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	286.704.146.040	286.704.146.040	1.484.814.461.232	1.543.888.549.289	227.630.057.983	227.630.057.983
Cộng	286.704.146.040	286.704.146.040	1.484.814.461.232	1.543.888.549.289	227.630.057.983	227.630.057.983

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Diễn	67.810.955.041	3 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 17/03/2010 đến ngày 30/03/2020.	6,80%	Một số nhà xưởng, công trình xây dựng của Dây chuyền sản xuất Xi măng Hoàng Mai.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Công	93.549.123.891	Từ 5 đến 6 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 01/03/2020 đến ngày	6,80%	Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và hàng tồn kho.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Nghệ An	66.269.979.051	Từ 3 đến 6 tháng. Tiền lãi trả hàng tháng. Đáo hạn từ ngày 15/02/2020 đến ngày 30/06/2020.	6,7%-6,8%	Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 200 tỷ đồng, các quyền thu hồi nợ bán hàng và mọi lợi ích liên quan tới số hàng tồn kho này. Một số máy móc thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng của Dây chuyền sản xuất Xi măng Hoàng Mai.
Cộng	227.630.057.983			

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	3.351.483.143	13.304.244.143
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 21.1)	7.341.223.749	-
Bên liên quan ủng hộ Công đoàn Công ty (Thuyết minh số 29)	6.000.000.000	-
Sử dụng trong năm	(16.167.806.892)	(9.952.761.000)
Số dư cuối năm	524.900.000	3.351.483.143

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng phải trả phí hoàn nguyên môi trường	2.981.909.798	1.586.145.302
Cộng	2.981.909.798	1.586.145.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số cuối năm (Trình bày lại)	Số cuối năm (Trình bày lại)	Số cuối năm (Trình bày lại)	Số cuối năm (Trình bày lại)	Số cuối năm (Trình bày lại)	Đơn vị tính: VND	
							Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần
	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	1.874.651.152	921.023.467.558		
	-	-	-	-	19.059.546.298	19.059.546.298		
Số cuối năm (Trình bày lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	20.934.197.450	940.083.013.856		
Năm nay								
Số đầu năm (Trình bày lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	20.934.197.450	940.083.013.856		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20.524.602.990	20.524.602.990		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(7.341.223.749)	(7.341.223.749)		
Số cuối năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	208.210.192.057	34.117.576.691	953.266.393.097		

(*) Trong năm, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2018 theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019.

Cũng theo Nghị Quyết nêu trên, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu với tổng số tiền là 13.845.720.000 đồng. Tuy nhiên, vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 79/NQ-XM/HM-HĐQT về việc dừng thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua hình thức phát hành cổ phiếu và sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất về phương án thay thế.

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	Tỷ lệ	Cổ phiếu phổ thông	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	510.918.000.000	70,96%	510.918.000.000	70,96%
Các cổ đông khác	209.082.000.000	29,04%	209.082.000.000	29,04%
Cộng	720.000.000.000	100,00%	720.000.000.000	100,00%

Đơn vị tính: VND

21.3 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	72.000.000	72.000.000
Cổ phiếu phổ thông	72.000.000	72.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.771.400)	(2.771.400)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.228.600	69.228.600
Cổ phiếu phổ thông	69.228.600	69.228.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 đồng Việt Nam).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là HOM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

22.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.668.965.663.566	1.734.375.639.478
Doanh thu bán xi măng và clinker	1.653.790.680.348	1.704.369.673.978
Doanh thu khác	19.920.747.444	30.005.965.500
Giảm trừ doanh thu khác	(4.745.764.226)	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	16.256.407.541	-
- Hàng bán bị trả lại	16.256.407.541	-
Doanh thu thuần	1.652.709.256.025	1.734.375.639.478
Trong đó:		
- Doanh thu từ bên khác	1.623.962.112.593	1.722.249.710.389
- Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	28.747.143.432	12.125.929.089

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.191.841.257	1.121.688.938
Lãi chênh lệch tỷ giá	145.691.647	16.264.527
Cộng	1.337.532.904	1.137.953.465

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán xi măng và clinker	1.461.353.011.944	1.500.869.093.761
Giá vốn bán sản phẩm khác	12.376.503.014	24.030.544.614
Giảm trừ giá vốn khác	(4.745.764.226)	-
Cộng	1.468.983.750.732	1.524.899.638.375

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.372.717.528	19.880.386.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá	57.702.104	33.961.805
Chi phí tài chính khác	266.203.000	-
Cộng	22.696.622.632	19.914.348.170

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí bốc xếp vận chuyển	17.672.374.757	25.108.964.576
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ	8.325.277.955	25.252.304.991
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	10.364.631.565	12.938.752.943
Chi phí hội nghị khánh tiết	7.955.165.052	10.240.354.641
Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm	3.741.042.923	3.404.308.883
Chi phí chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường	2.697.497.957	2.017.477.257
Chi phí lợi thế thương mại	-	1.939.542.460
Chi phí khác	14.475.265.826	19.007.595.945
65.231.256.035	99.909.301.696	
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	28.522.376.395	27.263.405.672
Chi phí hội nghị khánh tiết	9.271.608.675	8.042.201.893
Chi phí khấu hao	6.966.563.094	8.995.377.895
Chi phí tư vấn quản trị doanh nghiệp	2.296.993.624	1.651.299.467
Chi phí khác	27.907.761.467	25.208.633.676
74.965.303.255	71.160.918.603	
Cộng	140.196.559.290	171.070.220.299

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Bồi thường tổn thất	1.002.609.110	2.610.037.500
Lãi từ thanh lý tài sản	336.726.111	307.272.728
Thu phạt hợp đồng	421.587.052	152.620.000
Thu nhập khác	1.362.638.128	793.075.657
3.123.560.401	3.863.005.885	
Chi phí khác	656.369.999	300.000.000
Chi phí khác	656.369.999	300.000.000
Lợi nhuận khác thuần	2.467.190.402	3.563.005.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	847.497.070.333	863.047.618.150
Chi phí nhân công	139.220.601.986	140.721.601.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	136.604.513.536	134.700.378.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.780.561.251	378.780.561.040
Chi phí khác bằng tiền	139.439.316.327	143.492.062.929
Cộng	1.625.542.063.433	1.660.742.222.290

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	20.402.000
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.112.443.687	4.112.443.686
Tổng cộng	4.112.443.687	4.132.845.686

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.637.046.677	23.192.391.984
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho C	4.927.409.335	4.638.478.397
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế kh	157.767.525	205.631.637
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những n	-	20.402.000
Các khoản khác	-	20.095.456
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Lỗ năm trước chuyển sang	(972.733.173)	(751.761.804)
Chi phí thuế TNDN	4.112.443.687	4.132.845.686

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

	Đơn vị tính: VND			
	Bảng cân đối kế toán	Bảng cân đối kế toán	Báo cáo kết quả kinh doanh	Báo cáo kết quả kinh doanh
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định	41.123.414.721	37.010.971.034	(4.112.443.687)	(4.112.443.686)
	41.123.414.721	37.010.971.034		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh			(4.112.443.687)	(4.112.443.686)

Lỗ chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.212.267.555 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.075.933.420 VND) có thể sẽ được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (Trình bày lại) (*)	Đơn vị tính: VND	
			Đã chuyển lỗ đến 31/12/2019	Chưa chuyển lỗ tại 31/12/2019
2017	2022	5.570.440.822	(4.863.665.865)	- 706.774.957
Tổng cộng		5.570.440.822	(4.863.665.865)	- 706.774.957

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra tại ngày của báo cáo tài chính.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua than cám	146.919.398.789	195.357.831.216
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng xuất khẩu	9.513.458.180	56.860.128.524
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao	15.511.418.182	26.710.613.033
Công ty Cổ phần Vicem Bao bi Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	9.304.315.800	26.150.713.900
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng	11.192.066.350	-
		Bán clinker	17.555.077.082	-
		Quý phúc lợi ủng hộ cho Công đoàn Công ty	3.000.000.000	-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn (*)	4.994.491.581	3.668.776.724
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Quý phúc lợi ủng hộ cho Công đoàn Công ty	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	2.285.810.500	6.349.521.900
Công ty Cổ phần Vicem Bao bi Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	844.184.000	9.736.084.100
CN Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - XN tiêu thụ và dịch vụ XMHT 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Gia công xi măng	-	9.192.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Bán clinker	-	2.933.929.089
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao và clinker	-	2.694.112.344

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019,

Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2018: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ báo cáo thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

(*) Theo hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và hợp đồng tư vấn quản trị doanh nghiệp và các phụ lục hợp đồng ký giữa Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và Công ty, Công ty sẽ trả khoản phí hàng năm theo từng hợp đồng cho Tổng Công ty. Theo đó, tổng phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và phí tư vấn quản trị doanh nghiệp sẽ được xác định theo tỷ lệ là 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,3% trên doanh thu tiêu thụ xi măng và 0,1% trên doanh thu tiêu thụ xi măng thuê gia công ngoài (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,2% tính trên doanh thu tiêu thụ xi măng và 0,1% trên doanh thu tiêu thụ xi măng thuê gia công thuê ngoài).

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn (thuyết minh số 5.1)				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Trạm nghiền Cam Ranh	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng bán clinker	6.999.311.792	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	98.953.887	2.098.953.887
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xi nghiệp tiêu thụ và dịch vụ XMHT 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền gia công xi măng	-	10.111.200.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền xây gạch lò và gia công xi măng	-	11.982.127.771
			7.098.265.679	24.192.281.658
Phải thu khác (thuyết minh số 6)				
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu tiền do điều chỉnh tỷ lệ tính phí tư vấn	450.978.629	9.584.483
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu vật tư cho vay	60.887.400	135.064.678
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền điện nước	-	5.530.714
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền điện nước	-	60.138
			511.866.029	150.240.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (thuyết minh số 14)				
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua than cám	15.411.226.050	49.781.544.004
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vôi bao	46.141.400	22.546.141.400
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua thạch cao	6.614.847.200	15.616.064.352
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vôi bao xi măng	2.803.514.922	11.201.409.670
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vôi bao xi măng	1.859.437.690	3.327.798.979
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vôi bao xi măng	928.602.400	7.551.278.120
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Mua thạch cao và phí quản lý	224.687.600	1.312.631.581
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng bao	1.637.064	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Xi nghiệp tiêu thụ và dịch vụ XMHT 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua cát tiêu chuẩn	-	180.891.150
			27.890.094.326	111.517.759.256

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	2.449.000.000	2.160.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	480.000.000	522.000.000
Cộng	2.929.000.000	2.682.000.000

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.524.602.990	19.059.546.298
Điều chỉnh giảm do phân bổ Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(7.341.223.749)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.524.602.990	11.718.322.549
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	20.524.602.990	11.718.322.549
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	69.228.600	69.228.600
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	69.228.600	69.228.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	296	169
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	296	169

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong kỳ và cho đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm 2019 có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

31. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Công ty đã thực hiện các điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 căn cứ theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 20 tháng 8 năm 2019 với chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Ngày 31/12/2018		Ngày 31/12/2018 (được trình bày lại)
		(đã được trình bày trước đây)	Số điều chỉnh	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.784.399.796)	3.013.439.332	(4.770.960.464)
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.187.555.853	3.266.185.631	15.453.741.484
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.186.943.749	(252.746.299)	20.934.197.450
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	2.127.397.451	(252.746.299)	1.874.651.152

(*) Chủ yếu bao gồm các điều chỉnh liên quan đến trích lập dự phòng phải thu khó đòi, phí cấp quyền khai thác khoáng sản và ảnh hưởng tới lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản phí tư vấn

Theo Thông báo kết quả Kiểm toán Nhà nước số 541/TB-KTNN ngày 20 tháng 8 năm 2019, các khoản chi phí liên quan đến phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và phí tư vấn quản trị doanh nghiệp phải trả cho Vicem như được trình bày tại Thuyết minh số 29 là phí liên quan đến giao dịch liên kết và hiện tại, chưa có sự thống nhất về mức phí cho cùng một loại dịch vụ phí tư vấn giữa các đơn vị trong Vicem nên cần được loại trừ khỏi chi phí tính thuế khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 với tổng số tiền là 3,3 tỷ đồng. Về vấn đề này, Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 11918/VPCP-KTTH ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn Vicem thực hiện việc hạch toán và xác định chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hai loại phí tư vấn nêu trên và hiện tại, Công ty và Vicem chưa nhận được văn bản trả lời từ Bộ Tài chính. Do đó, Công ty sẽ thực hiện khuyến nghị nói trên của Kiểm toán Nhà nước cho năm 2018 và năm 2019 (tổng chi phí tư vấn là 4,6 tỷ đồng) sau khi có hướng dẫn chính thức từ Bộ Tài chính.

Cam kết tiền thuê đất

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.353.698.000	4.353.698.000
Từ 1 đến 5 năm	7.544.194.800	11.372.853.650
Trên 5 năm	12.062.984.474	12.588.023.624
Cộng	23.960.877.274	28.314.575.274

Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đá sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Tuy nhiên, theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và hiện tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến kết luận chính thức về việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, theo Quyết định số 92/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Công ty có nghĩa vụ nộp số tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến hết thời gian cấp phép ngày 31 tháng 12 năm 2042 với tổng giá trị là 48,6 tỷ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)

Cam kết về phí cải tạo và phục hồi môi trường

Căn cứ theo các công văn thông báo và hướng dẫn UBND tỉnh Nghệ An và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An và Quyết định số 2921/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường về phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án khai thác và sử dụng của mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh mà Công ty được cấp giấy phép khai thác, Công ty có các cam kết liên quan tới việc chi phí cải tạo phục hồi môi trường tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, tổng số tiền phải ký quỹ là 798.971.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2009 tới năm 2025) là 34.057.925 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 2, tổng số tiền ký quỹ là 471.484.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2009 tới năm 2025) là 38.745.000 đồng.

Đối với mỏ sét Quỳnh Vinh, tổng số tiền ký quỹ là 5.060.045.000 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B để nâng công suất lên 2,4 triệu tấn/năm, tổng số tiền ký quỹ là 26.864.440.000 đồng. Theo đó, số tiền phải ký quỹ lần đầu là 4.029.666.000 đồng và số tiền ký quỹ cho từng năm (giai đoạn từ năm 2019 tới năm 2049) là 787.406.000 đồng.

Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên (có hiệu lực từ ngày 20 tháng 11 năm 2015) và Thông tư 44/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2017 quy định về khung giá tính thuế tài nguyên (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2017). Theo quy định tại các Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại các Thông tư này, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của các Thông tư này. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành theo Quyết định số 73/2017/QĐ-UBND ngày 1 tháng 12 năm 2017 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế Tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.


Trần Văn Đức
Người lập


Đặng Thị Nga
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 9 tháng 3 năm 2020

